

Số: 591...../2019/BBH-DHDCĐ

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2019

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

I. Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG.

II. Thời gian bắt đầu phiên họp: 8 giờ 20 phút, ngày 24/04/2019.

III. Địa điểm: Hội trường tầng 3, Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng- Số 21B, Phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

IV. Thành phần tham dự: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc Công ty, các khách mời tham dự Đại hội, các Cổ đông và Người đại diện ủy quyền của Cổ đông Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi Măng (theo Danh sách cổ đông chốt tại thời điểm 16h ngày 06/03/2019).

V. Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội:

Cơ cấu nhân sự Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc tại Đại hội đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết tại Đại hội với tỷ lệ biểu quyết 100% Cổ đông có mặt tán thành. Cụ thể như sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

- | | | |
|------------------------|---------------------------------|------------|
| - Ông Lê Xuân Khôi | Chủ tịch HĐQT | Chủ tọa ĐH |
| - Ông Huỳnh Trung Hiếu | TV HĐQT, Giám đốc Công ty | Thành viên |
| - Ông Phùng Thanh Hồng | TV HĐQT, Kế toán trưởng Công ty | Thành viên |

2. Ban Thư ký:

- | | | |
|-----------------------------|----------------------------------|------------|
| - Bà Nguyễn Thị Bích Nguyệt | Trưởng phòng TCLĐ | Tổ trưởng |
| - Ông Phạm Ngọc Đức | Người phụ trách quản trị Công ty | Thành viên |

3. Ban Kiểm phiếu:

- | | | |
|------------------------|---------------------------|------------|
| - Ông Lê Sỹ Thắng | Trợ lý Giám đốc | Trưởng ban |
| - Bà Đỗ Thị Minh Thoan | Phó VP Đảng ủy | Thành viên |
| - Bà Lưu Thị Minh Ngọc | CV phòng Pháp chế và QHCD | Thành Viên |

4. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

- | | | |
|------------------------|----------------------------|------------|
| - Ông Trần Quang Ninh | Phó phòng Pháp chế và QHCD | Trưởng ban |
| - Bà Lưu Thị Minh Ngọc | CV phòng Pháp chế và QHCD | Thành viên |
| - Bà Đỗ Thị Minh Thoan | Phó VP Đảng ủy | Thành viên |
| - Bà Lê Ngọc Thủy | CV Phòng TCLĐ | Thành viên |

VI. Điều kiện tiến hành Đại hội

Trường Ban Kiểm tra tư cách cổ đông - Ông Trần Quang Ninh báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, tại thời điểm khai mạc (8h20 phút), Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Pháp luật hiện hành với cơ cấu cổ đông như sau: Số lượng Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự đại hội là 93 Cổ đông, đại diện cho 29.212.707 cổ phần, chiếm 93,63% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (31.199.825 cổ phần), trong đó:

- Số Cổ đông tham dự trực tiếp là 18 Cổ đông, đại diện cho 20.027.800 cổ phần, chiếm 64,19% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Số Cổ đông ủy quyền là 75 Cổ đông, đại diện cho 9.184.907 cổ phần, chiếm 29,44% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

VII. Nội dung phiên họp

1. Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

2. Nội dung Chương trình nghị sự của Đại hội đã được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

3. Quy chế làm việc đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua với tỷ lệ 100% Cổ đông có mặt tán thành bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết.

4. Các Báo cáo và Tờ trình được trình bày tại Đại hội như sau:

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018 và Kế hoạch năm 2019.

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2018 và Kế hoạch năm 2019.

- Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXKD năm 2019.

- Tờ trình số 529/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019 về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 .

- Tờ trình số 530/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019 về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.

- Tờ trình số 531/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019 về việc thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và Kế hoạch thù lao 2019.

- Tờ trình số 02/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019 về việc thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019.

- Tờ trình số 532/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019 về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng.

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông ngày 11/4/2019 về việc công khai các lợi ích liên quan theo Điều 159 Luật doanh nghiệp.

5. Thảo luận tại Đại hội: Chủ tọa mời các Cổ đông tham gia ý kiến đối với các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

Sau nghe khi nghe các Báo cáo và Tờ trình đã trình bày tại Đại hội, không có Cổ

đồng nào có ý kiến gì thêm.

Đến 10h 25 phút (thời điểm biểu quyết thông qua các Tờ trình Đại hội) Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tại Đại hội số lượng Cổ đông tham dự và cổ đông ủy quyền tham dự là 96 Cổ đông, đại diện cho 29.216.921 cổ phần, chiếm 93,64 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

VIII. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông

Sau khi xem xét các Báo cáo, Tờ trình và thảo luận các vấn đề liên quan, Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2019 Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi Măng đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2018 và Kế hoạch năm 2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2018 và Kế hoạch năm 2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXKD năm 2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, một số chỉ tiêu chính như sau:

3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

| | |
|--|----------------------|
| - Tổng sản lượng than cám bán ra: | 1.421.720 tấn |
| - Tổng doanh thu: | 3.476.369 triệu đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế: | 51.101 triệu đồng |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp: | 19.905 triệu đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế: | 31.196 triệu đồng |
| - Nộp ngân sách: | 85.707 triệu đồng |
| - Tỷ lệ trả cổ tức (bằng tiền): | 15% |
| - Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu (ROS): | 0,90 % |
| - Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE): | 7,86 % |
| - Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản (ROA): | 2,02 % |

3.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

| | |
|------------------------------------|----------------------|
| - Tổng sản lượng than cám bán ra : | 1.500.000 tấn |
| - Doanh thu: | 3.826.811 triệu đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế: | 59.183 triệu đồng |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp: | 11.837 triệu đồng |

| | |
|--|-------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế : | 47.346 triệu đồng |
| - Nộp ngân sách: | 29.266 triệu đồng |
| - Tỷ lệ cổ tức (bằng tiền): | 10 % |
| - Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE): | 11,85 % |
| - Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu (ROS): | 1,24 % |

4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 theo nội dung tờ trình số 529/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 theo nội dung tờ trình 530/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội; cụ thể như sau:

a. Tổng lợi nhuận sau thuế có thể phân phối năm 2018: 54.929.384.331 đồng

Trong đó:

| | |
|---|---------------------|
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017: | 23.732.948.344 đồng |
| + Lợi nhuận sau thuế năm 2018: | 31.196.435.987 đồng |

b. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

| | |
|--------------------------------------|---------------------|
| - Tổng lợi nhuận phân phối: | 54.929.384.331 đồng |
| - Trả cổ tức (tỷ lệ 15% bằng tiền): | 46.799.737.500 đồng |
| - Trích quỹ thưởng người quản lý: | 275.000.000 đồng |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: | 7.854.646.831 đồng |

6. Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và Kế hoạch tiền lương, thù lao 2019 theo nội dung Tờ trình số 531/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:

a. Thực hiện trả thù lao năm 2018.

| | |
|---------------------------------|------------------------------|
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị: | 6.000.000 đồng/ người/ tháng |
| - Thành viên Hội đồng quản trị: | 4.000.000 đồng/ người/ tháng |
| - Thành viên Ban kiểm soát: | 3.000.000 đồng/ người/ tháng |

b. Kế hoạch trả thù lao năm 2019.

| | |
|---------------------------------|------------------------------|
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị: | 6.000.000 đồng/ người/ tháng |
| - Thành viên Hội đồng quản trị: | 4.000.000 đồng/ người/ tháng |
| - Thành viên Ban kiểm soát: | 3.000.000 đồng/ người/ tháng |

c. Tiền lương chi trả cho Trưởng ban kiểm soát chuyên trách năm 2018 và Kế

hoạch năm 2019: bằng mức tiền lương tương đương chức danh Trưởng phòng ban của Công ty theo quy chế trả lương của Công ty và các quy định hiện hành.

7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019 theo nội dung Tờ trình số 02/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

8. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi Măng theo nội dung Tờ trình số 532/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

IX. Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 kết thúc vào hồi 11 giờ 45 phút cùng ngày.

Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản và được Đại hội đồng Cổ đông nhất trí thông qua. Biên bản gồm 05 trang, được lập thành 05 bản chính, gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Website vtvxm.vn (người công bố thông tin), lưu Hồ sơ văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, lưu tại Văn phòng Công ty.

Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 sẽ được lập thành văn bản và thông báo đến toàn thể Cổ đông theo đúng qui định của Pháp luật./.

ĐOÀN CHỦ TỊCH

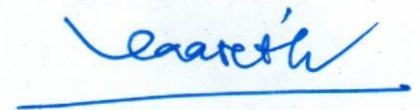
Chủ Tọa



Phùng Thanh Hồng



Huỳnh Trung Hiếu

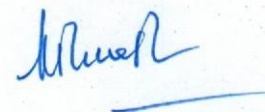


Lê Xuân Khôi

BAN THƯ KÝ



Phạm Ngọc Đức



Nguyễn Thị Bích Nguyệt

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2019

Số: **592**/2019/NQ-ĐHĐCĐ

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng ngày 24/04/2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2018 và Kế hoạch năm 2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát Công ty năm 2018 và Kế hoạch năm 2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXKD năm 2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, một số chỉ tiêu chính như sau:

3.1 Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018.

| | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Tổng sản lượng than cám bán ra: | 1.421.720 tấn |
| - Tổng doanh thu: | 3.476.369 triệu đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế: | 51.101 triệu đồng |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp: | 19.905 triệu đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế: | 31.196 triệu đồng |
| - Nộp ngân sách: | 85.707 triệu đồng |
| - Tỷ lệ trả cổ tức (bằng tiền): | 15% |

| | |
|--|--------|
| - Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu (ROS): | 0,90 % |
| - Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE): | 7,86 % |
| - Tỷ suất lợi nhuận/ Tổng tài sản (ROA): | 2,02 % |

3.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

| | |
|--|----------------------|
| - Tổng sản lượng than cám bán ra : | 1.500.000 tấn |
| - Doanh thu: | 3.826.811 triệu đồng |
| - Lợi nhuận trước thuế: | 59.183 triệu đồng |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp: | 11.837 triệu đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế : | 47.346 triệu đồng |
| - Nộp ngân sách: | 29.266 triệu đồng |
| - Tỷ lệ trả cổ tức (bằng tiền): | 10 % |
| - Tỷ suất lợi nhuận/ Vốn chủ sở hữu (ROE): | 11,85 % |
| - Tỷ suất lợi nhuận/ Doanh thu (ROS): | 1,24 % |

Điều 4. Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018 theo nội dung Tờ trình số 529/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 theo nội dung Tờ trình số 530/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội; cụ thể như sau:

| | |
|---|---------------------|
| 1. Tổng lợi nhuận sau thuế có thể phân phối năm 2018: | 54.929.384.331 đồng |
| <i>Trong đó:</i> | |
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017: | 23.732.948.344 đồng |
| + Lợi nhuận sau thuế năm 2018 | 31.196.435.987 đồng |
| 2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 | |
| - Tổng lợi nhuận phân phối: | 54.929.384.331 đồng |
| - Trả cổ tức (tỷ lệ 15% bằng tiền): | 46.799.737.500 đồng |
| - Trích quỹ thưởng người quản lý: | 275.000.000 đồng |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: | 7.854.646.831 đồng |

Điều 6. Thông qua mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2019 theo nội dung Tờ trình số 531/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, cụ thể như sau:

1. Thực hiện trả thù lao năm 2018.

| | |
|-------------------------------|------------------------------|
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị: | 6.000.000 đồng/ người/ tháng |
|-------------------------------|------------------------------|



- Thành viên Hội đồng quản trị: 4.000.000 đồng/ người/ tháng
 - Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/ người/ tháng
2. Kế hoạch trả thù lao năm 2019.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 6.000.000 đồng/ người/ tháng
 - Thành viên Hội đồng quản trị: 4.000.000 đồng/ người/ tháng
 - Thành viên Ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/ người/ tháng

3. Tiền lương chi trả cho Trưởng ban kiểm soát chuyên trách năm 2018 và Kế hoạch năm 2019: bằng mức tiền lương tương đương chức danh Trưởng phòng ban của Công ty theo quy chế trả lương của Công ty và các quy định hiện hành.

Điều 7. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019 theo nội dung Tờ trình số 02/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 8. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng theo nội dung Tờ trình số 532/TTr - HĐQT ngày 11/4/2019, với 29.216.921 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

Điều 9. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 24/04/2019.

Hội đồng quản trị, Giám đốc và toàn thể Cổ đông Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- UBCKNN; Sở GDCKHN;
- VICEM (để b/c);
- Lưu VT.



Lê Xuân Khôi



Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng, Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông công tác quản lý của HĐQT Công ty năm 2018 như sau:

I. Đặc điểm tình hình

1. Thuận lợi:

- Năm 2018 là năm có ý nghĩa rất quan trọng, là năm then chốt trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Giai đoạn này, nền kinh tế đã từng bước vượt qua khó khăn, thách thức, duy trì đà chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm đã đề ra. Thực hiện nghị quyết 01/NQ-CP ngày 01/01/2018 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; nền kinh tế nước ta đang tương đối ổn định và xu hướng tăng trưởng khá bền vững, lạm phát được kiểm soát, tốc độ tăng trưởng GDP ở mức khá cao (tăng 7,08%); ngành xây dựng tăng trưởng 9,16% so với cùng kỳ.

- Đối với toàn VICEM: Tổng sản phẩm tiêu thụ Clinker và Xi măng đạt 29,2 triệu tấn, tăng gần 11% so với cùng kỳ, là mức sản lượng cao nhất từ trước tới nay.

- Thị phần trong nước của VICEM đạt 35% tương đương so với năm 2017, do vậy nhu cầu than cho sản xuất của các công ty xi măng do Công ty cung ứng duy trì ở mức khá cao. Đây là thuận lợi cơ bản để Công ty thực hiện tốt các mục tiêu về sản lượng, doanh thu, hiệu quả và thu nhập cho người lao động.

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 có sự thay đổi về nhân sự, nhưng luôn là một tập thể có tính kế thừa, có tinh thần đoàn kết và thống nhất cao, luôn nêu cao tinh thần tập trung, dân chủ và phát huy trí tuệ tập thể, cá nhân. Trong thực hiện nhiệm vụ luôn nhận được sự ủng hộ, đồng tình của tập thể cán bộ, công nhân viên lao động trong toàn Công ty, sự tin tưởng của các cổ đông và các nhà đầu tư. Đặc biệt là cổ đông lớn VICEM.

2. Khó khăn:

- Sản xuất kinh doanh chịu nhiều áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thế giới. Hiệu quả sản xuất kinh doanh và sức cạnh tranh của khu vực kinh tế

trong nước chưa cao. Do tình trạng cung vượt cầu nên thị trường xi măng cạnh tranh quyết liệt.

- Thời tiết, biến đổi khí hậu, nhất là tại khu vực miền Trung ảnh hưởng đến nền kinh tế.

- Công ty chịu nhiều yếu tố bất lợi tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh như:

+ Thị trường bất động sản chưa khởi sắc;
+ Ngành khai khoáng nói chung gặp nhiều khó khăn; lượng cung hạn chế đối với Ngành công nghiệp xi măng;

+ Nhu cầu than phục vụ Nhiệt điện tăng đột biến gây mất cân bằng cung - cầu than tại thị trường nội địa;

+ TKV đã có 3 quyết định tăng giá than trong năm với tổng mức tăng từ 8-15% đối với các chủng loại than so với đầu năm 2018;

+ Dư nợ tiền mua than của các công ty xi măng đối với Công ty luôn giữ ở mức rất cao so với thỏa thuận trong hợp đồng đã ảnh hưởng đến cân đối tài chính và lợi nhuận của Công ty.

II. Kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2018.

Trên cơ sở nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua, định hướng chiến lược của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam. Trong bối cảnh có nhiều khó khăn, Hội đồng quản trị công ty đã phân tích, đánh giá những cơ hội, thách thức, trên cơ sở đó đề ra nhiều biện pháp và định hướng đúng đắn trong lãnh đạo, quản lý và điều hành, làm tốt công tác thị trường, hợp tác chặt chẽ với các công ty thành viên trong VICEM và các đơn vị bạn hàng, nên đã triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ công tác năm 2018. Cụ thể:

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018:

Đơn vị: tỷ đồng

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ thực hiện so với KH (%) |
|---|--------------------|-----------------|------------------|--------------------------------------|
| Sản lượng hàng hoá bán ra | tấn | 1.518.000 | 1.421.720 | 93,66 |
| Doanh thu | tỷ đồng | 3.763,955 | 3.476,369 | 92,36 |
| Lợi nhuận trước thuế | tỷ đồng | 51,093 | 51,101 | 100 |
| Nộp ngân sách | tỷ đồng | 26,368 | 85,707 | 325,04 |
| Cổ tức (tạm ứng) | % | 15 | 20 | 100 |
| Chỉ tiêu phấn đấu tăng năng suất lao động | Tr.đồng | 7 | 4,5 | 64,29 |

Thanh toán cổ tức lần 2 năm 2017 là 15% và tạm ứng cổ tức năm 2018 là 5%

2. Về công tác đầu tư phát triển và sửa chữa lớn:

2.1. Dự án tòa nhà Comatce Tower:

a) Về thực hiện dự án.

- Đến nay đã thi công hoàn thành các gói thầu thuộc dự án, Công ty đã hoàn thành một số công việc còn tồn tại như phối hợp với các nhà thầu thi công, cung cấp thiết bị, khắc phục những tồn tại phát sinh, đảm bảo theo đúng yêu cầu thiết kế, kỹ thuật, hoàn chỉnh các hạng mục để nghiệm thu đưa vào sử dụng...

- Tổng giá trị đầu tư xây dựng thực hiện dự kiến đến ngày 31/12/2018: 672,747 tỷ đồng/TMĐT là 804 tỷ đồng đạt 83,67%, thấp hơn chi phí của dự án 131,253 tỷ đồng.

- Giá trị giải ngân dự án lũy kế đến hết ngày 31/12/2018 là 612,383 tỷ đồng/giá trị thực hiện 672,747 tỷ đồng đạt 91 %.

- Tích cực chỉ đạo, đôn đốc công tác quyết toán dự án theo quy định. Tuy nhiên, công việc quyết toán dự án này còn chậm, cần phải tiếp tục chỉ đạo để hoàn thành trong năm 2019.

b) Về kinh doanh sản phẩm dự án:

- Hội đồng quản trị Công ty cũng đã chỉ đạo, hỗ trợ để Công ty đã triển khai các biện pháp như: xây dựng chính sách bán hàng, quảng cáo, tiếp thị, điều chỉnh giá bán... nhằm bán hết các căn hộ của dự án. Tuy nhiên, việc kinh doanh gặp khó khăn do tình hình thị trường BĐS vẫn chưa có dấu hiệu tích cực, chủ yếu tập trung vào phân khúc nhà ở xã hội, nhà thu nhập thấp...; Nguồn cung ngày càng tăng, nên các sản phẩm của dự án (căn hộ, văn phòng) chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ từ các dự án lân cận. Năm 2018, Công ty chỉ bán được 03 căn hộ, lũy kế đến nay mới bán được 55/100 căn hộ, đạt 55%.

- Năm 2018, Công ty bắt đầu triển khai cho thuê diện tích văn phòng được 4.466 m²/ 9.367 m² đạt 47,6%.

2.2. Dự án đầu tư đóng mới sà lan:

- Quý I/2018: Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo, đôn đốc hoàn thành việc thi công đóng mới 02 tàu, trong gói thầu đóng mới 03 tàu tự hành trọng tải 1.665 tấn theo kế hoạch, cả 03 tàu đã hoàn thành nghiệm thu, quyết toán và đưa vào khai thác sử dụng.

Hiện nay việc kinh doanh các Đoàn sà lan của Công ty đang thực hiện khá tốt, giúp Công ty điều hành linh hoạt trong những thời điểm khó khăn về phương tiện thuê ngoài tại một số tuyến vận chuyển, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

2.3. Công tác đầu tư, sửa chữa khác:

Về sửa chữa nhà cửa vật kiến trúc: Trụ sở các chi nhánh được đầu tư từ lâu, đã xuống cấp, để tạo điều kiện cho CBCNV, người lao động làm việc, Công ty đã thực hiện sửa chữa 3 trụ sở chi nhánh gồm Hoàng Thạch, Quảng Ninh, Đoàn vận tải và nhà kho, gara ô tô tại văn phòng Công ty. Tổng chi phí sửa chữa khoảng 2,785 tỷ đồng/KH 3,152 tỷ đồng bằng 88% kế hoạch năm.

3. Về công tác quản lý và một số công tác khác

Với quyền hạn, nghĩa vụ được giao theo quy định của pháp luật và điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty; căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và

tình hình thực tế của Công ty. Năm 2018, Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất để xử lý những nội dung công việc thuộc thẩm quyền, tập trung chỉ đạo và có 26 nghị quyết, quyết định kịp thời phục vụ công tác tổ chức, sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng và các mặt công tác khác. Cụ thể như sau:

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|--|
| 1 | 127/NQ-HĐQT | 25/01/2018 | Phê duyệt thuê tài chính 01 xe ô tô Toyota Land Cruiser Prado VXz. |
| 2 | 153/QĐ-VTVT | 29/01/2018 | V/v phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2018. |
| 3 | 162/NQ-HĐQT | 30/01/2018 | Phê duyệt về việc cân đối nhu cầu sử dụng vốn Công ty trong năm 2018. |
| 4 | 224/QĐ-VTVT | 31/01/2018 | V/v ban hành quy chế trả lương Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng. |
| 5 | Nghị quyết HĐQT | 01/02/2018 | V/v thực hiện các công việc phát sinh đã thực hiện dự án Comatce tower. |
| 6 | 239/NQ-HĐQT | 01/02/2018 | Phê duyệt chủ trương ký hợp đồng vận chuyển than, bốc xếp, thuê kho bãi với Công ty TNHH Long Sơn. |
| 7 | 381/NQ-HĐQT | 05/03/2018 | Họp HĐQT định kỳ Quý I/2018 và công tác ĐHCĐTN 2018. |
| 8 | 450/QĐ-VTVT | 15/03/2018 | V/v phê duyệt quyết toán DA hoàn thành "DA đầu tư đóng mới 07 tàu tự hành trọng tải 1.665 tấn/tàu, công suất 620CV". |
| 9 | 476/QĐ-VTVT | 22/03/2018 | Phê duyệt kế hoạch SXKD&ĐTXD năm 2018. |
| 10 | 517/NQ-HĐQT | 27/03/2018 | V/v phương án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch luân chuyển các chức danh cán bộ quản lý giai đoạn 2016-2021. |
| 11 | 518/NQ-HĐQT | 27/03/2018 | V/v tạm ngừng hoạt động kinh doanh Văn phòng đại diện Công ty tại phía Nam. |
| 12 | 674/NQ-HĐQT | 20/4/2018 | V/v bầu chủ tọa cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018. |
| 13 | 695/NQ-HĐQT | 24/4/2018 | V/v bầu chủ tịch Hội đồng quản trị. |
| 14 | 911/NQ-HĐQT | 30/5/2018 | Phiên họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng ngày 30/5/2018. |
| 15 | 1007/NQ-HĐQT | 13/6/2018 | V/v thống nhất chi trả cổ tức năm 2017 và tạm ứng cổ tức năm 2018. |
| 16 | 1044/NQ-HĐQT | 19/6/2018 | V/v ký hợp đồng tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường. |
| 17 | 1098/NQ-HĐQT | 03/7/2018 | V/v mua than nhập khẩu, ký hợp đồng nguyên tắc, thực hiện chế biến than. |
| 18 | 1271/NQ-HĐQT | 03/8/2018 | V/v nộp tiền sử dụng đất dự án Nhân Chính. |

| | | | |
|----|--------------|------------|--|
| 19 | 1272/NQ-HĐQT | 03/8/2018 | V/v vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động Vicem Comatce. |
| 20 | 1433/NQ-HĐQT | 24/8/2018 | Phiên họp Hội đồng quản trị Quý II năm 2018 |
| 21 | 1512/NQ-HĐQT | 11/09/2018 | V/v phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng |
| 22 | 1669/NQ-HĐQT | 05/10/2018 | V/v ủy quyền vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động Vicem Comatce |
| 23 | 1774/NQ-HĐQT | 24/10/2018 | Phiên họp Hội đồng quản trị Quý III năm 2018 |
| 24 | 1815/NQ-HĐQT | 31/10/2018 | V/v bổ nhiệm lại cán bộ |
| 25 | 1888/NQ-HĐQT | 12/11/2018 | V/v bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng |
| 26 | 2225/NQ-HĐQT | 31/12/2018 | V/v thông qua các hợp đồng mua/bán than 2019 |

Việc quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn: Công tác quản lý vốn và tài sản thực hiện theo đúng quy định, quy chế quản lý của VICEM, tuân thủ pháp luật về kế toán, thuế, các quy định hiện hành của Nhà nước và nội bộ Công ty.

Sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển vốn, tình hình tài chính lành mạnh, không để xảy ra nợ xấu, tiết kiệm chi phí ở mức hợp lý.

Dư nợ bình quân của các công ty xi măng đối với Công ty cao hơn nhiều so với cam kết hợp đồng năm 2018 (tính đến ngày 31/12/2018 dư nợ bình quân là 561 tỷ đồng) gây ảnh hưởng lớn tới việc cân đối dòng tiền của Công ty. Tổ đại diện phần vốn đã có ý kiến đề HĐQT Công ty chỉ đạo tìm giải pháp cân đối dòng tiền, giảm công nợ, cân đối linh hoạt giữa tiền và hàng, tính toán hợp lý để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD.

- Trong năm 2018, Công ty đã phát sinh nợ tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất dự án Nhân Chính là 48,173 tỷ đồng. Việc này những người đại diện phần vốn của VICEM cũng đã báo cáo và xin ý kiến của VICEM.

- Một số chỉ tiêu chứng minh vốn của Công ty được bảo tồn và phát triển:

+ Vốn chủ sở hữu của Công ty (= Vốn đầu tư của CSH + Quỹ ĐTPT) tính đến thời điểm 31/12/2018 ước thực hiện: 399,684 tỷ đồng, so với VCSH tại thời điểm 31/12/2017: 387,6 tỷ đồng (103%).

+ Tổng giá trị tài sản thời điểm 31/12/2018 ước thực hiện: 1.400 tỷ đồng, so với thời điểm 31/12/2017: 1.663,3 tỷ đồng (84%).

4. Về công tác tổ chức và cán bộ, tái cơ cấu:

Trong năm 2018, có sự thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị: ông Lê Xuân Khôi và ông Hoàng Vũ Thắng là thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế cho ông Cái Hồng Thu và ông Lê Sỹ Thắng. Trong đó, ông Lê Xuân Khôi được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Thực hiện công tác bổ nhiệm 03 cán bộ đúng quy định, quy trình, trong đó bổ nhiệm mới 02 cán bộ diện Công ty quản lý và bổ nhiệm lại 01 cán bộ diện Tổng công ty quản lý.

Triển khai công tác rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2016-2021.

III. Những tồn tại

- Kinh doanh mặt hàng chính của Công ty là than gặp rất nhiều khó khăn như nguồn cung trong nước ngày càng khan hiếm, giá than trong và ngoài nước tiếp tục tăng, dư nợ mua than của các nhà máy luôn cao.

- Việc bán căn hộ và cho thuê văn phòng tòa nhà Comatce Tower gặp nhiều khó khăn.

- Công tác quyết toán dự án Comatce Tower còn chậm.

- Kinh doanh Đoàn vận tải của Công ty chưa mang lại hiệu quả cao.

IV. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ 2018:

1. Hội đồng quản trị Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; thực hiện nghiêm túc, đúng thẩm quyền, phạm vi, trách nhiệm, trung thực; Trong quá trình thực hiện đã chỉ đạo ban Giám đốc thực hiện kinh doanh đúng ngành nghề đã đăng ký, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Giám đốc điều hành;

2. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp giữa Đảng ủy - Hội đồng quản trị - Giám đốc và các tổ chức đoàn thể;

3. Tất cả các chỉ tiêu về SXKD, kế hoạch 2018 được VICEM thỏa thuận, được Đại hội đồng cổ đông thông qua đã cơ bản hoàn thành, Công ty thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách đối với nhà nước, lợi ích của các cổ đông, bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo được việc làm và thu nhập của người lao động ổn định ở mức cao;

Từ những kết quả đạt được như trên, Hội đồng quản trị đánh giá: “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác năm 2018”.

V. Phương hướng nhiệm vụ năm 2019

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, Hội đồng quản trị công ty sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo để thực hiện một số mục tiêu và nhiệm vụ cơ bản năm 2018 như sau:

1. Về công tác sản xuất kinh doanh:

- Sản lượng than bán ra: 1.500.000 tấn
- Tổng doanh thu: 3.826,811 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 47,346 tỷ đồng
- Nộp ngân sách: 29,266 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân: 14 triệu đồng/người/tháng

Xác định trong năm 2019 và các năm tiếp theo, kinh doanh than vẫn là mặt hàng chủ yếu, cốt lõi. Hội đồng quản trị thống nhất chỉ đạo Công ty bám sát tình hình thị trường để thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng than cám cho các công ty xi măng thuộc VICEM, cân đối tỷ trọng nguồn than trong nước (nguồn than của TKV, Đông bắc, nguồn than thương mại khác) và nhập khẩu, tổ chức chế biến than đáp ứng đủ yêu cầu về số lượng, chất lượng, chủng loại than cho sản xuất xi măng, đảm bảo hiệu quả kinh doanh; Xây dựng chính sách bán hàng hợp lý để mở rộng thị trường, giữ thị phần than cung ứng;

2. Về công tác đầu tư:

Dự án ĐTXD Toà nhà Công ty CP Vật tư Vận tải Xi măng: Hoàn thành việc quyết toán dự án.

3. Về công tác tổ chức và cán bộ

- Kiện toàn tổ chức nhân sự, báo cáo Tổng công ty xem xét thoả thuận bổ nhiệm lại một số chức danh cán bộ diện Tổng công ty Công nghiệp Xi măng quản lý; kiện toàn lại nhân sự ở một số phòng ban, đơn vị.

- Phối hợp Đảng uỷ Công ty rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn từ nay đến 2021; Đào tạo, bồi dưỡng về trình độ chính trị và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, bố trí, sắp xếp, luân chuyển cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Xem xét việc cấu trúc lại Công ty và nguồn lực cho phù hợp với tình hình mới, tiếp tục thực hiện định biên, sắp xếp lại lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và trả lương hợp lý

- Làm tốt công tác tuyển dụng, đào tạo cán bộ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;

- Thực hiện việc đánh giá cán bộ theo định kỳ.

4. Một số mặt công tác khác

- Tiếp tục chỉ đạo, rà soát xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ, rà soát, tiết kiệm chi phí, thực hiện tiết kiệm để có điều kiện giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả trong SXKD và tăng khả năng cạnh tranh cho Công ty;

- Chỉ đạo tổ chức tổng kết công tác đã thực hiện năm 2018, phân tích hoạt động kinh tế, tìm các nguyên nhân thiếu sót, tồn tại và các biện pháp trong quản lý, điều hành nhằm hoàn thiện cơ chế và nâng cao hơn nữa hiệu lực, hiệu quả quản lý của Hội đồng quản trị Công ty; sử dụng vốn hợp lý, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn.

- Chuẩn bị các nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên, báo cáo Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng VN và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét;

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chương trình hành động phòng, chống tham nhũng theo các quy định của Pháp luật và theo chỉ đạo của Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam;

- Xây dựng chiến lược đào tạo cán bộ, đặc biệt là cán bộ tăng cường cho việc ứng dụng thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0 trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trên đây là báo cáo kiểm điểm kết quả công tác 2018 và phương hướng nhiệm vụ công tác 2019 của Hội đồng quản trị Công ty. Hội đồng quản trị Công ty tiếp tục bám sát chức năng, quyền hạn, phát huy những kết quả đã đạt được, tập trung sức mạnh trí tuệ và tinh thần đoàn kết để làm tốt hơn nữa công tác quản lý Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua. Xin trân trọng cảm ơn./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Lê Xuân Khôi

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2019

**BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông

Căn cứ:

- Chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2018;

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động của Công ty cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng trong năm 2018 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Các công tác đã thực hiện năm 2018:

- Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ với đầy đủ các thành viên tham gia để phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát, tổng kết công tác kỳ trước và triển khai công việc kỳ tiếp theo.

- Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp giao ban tháng của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tham gia ý kiến, đưa ra những kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình.

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2018, cụ thể:

- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2018.
- Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 đối với HĐQT và Ban Giám đốc.

- Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

- Năm 2018, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:

- Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ, bất thường của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban tháng của Công ty.
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ tài liệu các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty.
- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm.

Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, ban kiểm soát cũng đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động. Thành viên Ban kiểm soát còn tham gia các lớp học bổ sung kiến thức, khóa đào tạo chuyên đề về quản lý tài chính, thuế nhằm đảm bảo cập nhật kịp thời chế độ chính sách, thực hiện đúng các quy định của Nhà nước.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự phối hợp, tạo điều kiện từ HĐQT, Ban Giám đốc và các đơn vị phòng ban chức năng, để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà ĐHCĐ giao. Trong năm 2018 Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về điều hành của HĐQT và Ban Giám đốc.

2. Kế hoạch định hướng năm 2019

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và của Công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát).
- Ban kiểm soát sẽ phối hợp với Bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát, đánh giá chuyên sâu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Các vấn đề cần xử lý nhanh, Hội đồng quản trị cũng đã thông qua theo phương thức lấy ý kiến bằng văn bản. Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của

Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và của Công ty. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với các quy định hiện hành và đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

-Trong năm 2018, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng, bám sát hoạt động của Công ty, ban hành 26 nghị quyết :

| STT | Số Nghị quyết | Ngày | Nội dung |
|-----|-----------------|------------|--|
| 1 | 127/NQ-HĐQT | 25/01/2018 | Phê duyệt thuê tài chính 01 xe ô tô Toyota Land Cruiser Prado VXz. |
| 2 | 153/QĐ-VTVT | 29/01/2018 | V/v phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2018. |
| 3 | 162/NQ-HĐQT | 30/01/2018 | Phê duyệt về việc cân đối nhu cầu sử dụng vốn Công ty trong năm 2018. |
| 4 | 224/QĐ-VTVT | 31/01/2018 | V/v ban hành quy chế trả lương Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng. |
| 5 | Nghị quyết HĐQT | 01/02/2018 | V/v thực hiện các công việc phát sinh đã thực hiện dự án Comatce tower. |
| 6 | 239/NQ-HĐQT | 01/02/2018 | Phê duyệt chủ trương ký hợp đồng vận chuyển than, bốc xếp, thuê kho bãi với Công ty TNHH Long Sơn. |
| 7 | 381/NQ-HĐQT | 05/03/2018 | Họp HĐQT định kỳ Quý I/2018 và công tác ĐHCĐTN 2018. |
| 8 | 450/QĐ-VTVT | 15/03/2018 | V/v phê duyệt quyết toán DA hoàn thành "DA đầu tư đóng mới 07 tàu tự hành trọng tải 1.665 tấn/tàu, công suất 620CV". |
| 9 | 476/QĐ-VTVT | 22/03/2018 | Phê duyệt kế hoạch SXKD&ĐTXD năm 2018. |
| 10 | 517/NQ-HĐQT | 27/03/2018 | V/v phương án điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch luân chuyển các chức danh cán bộ quản lý giai đoạn 2016-2021. |
| 11 | 518/NQ-HĐQT | 27/03/2018 | V/v tạm ngừng hoạt động kinh doanh Văn phòng đại diện Công ty tại phía Nam. |
| 12 | 674/NQ-HĐQT | 20/4/2018 | V/v bầu chủ tọa cho cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018. |
| 13 | 695/NQ-HĐQT | 24/4/2018 | V/v bầu chủ tịch Hội đồng quản trị. |

| | | | |
|----|--------------|------------|--|
| 14 | 911/NQ-HĐQT | 30/5/2018 | Phiên họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng ngày 30/5/2018. |
| 15 | 1007/NQ-HĐQT | 13/6/2018 | V/v thống nhất chi trả cổ tức năm 2017 và tạm ứng cổ tức năm 2018. |
| 16 | 1044/NQ-HĐQT | 19/6/2018 | V/v ký hợp đồng tư vấn chuyển giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường. |
| 17 | 1098/NQ-HĐQT | 03/7/2018 | V/v mua than nhập khẩu, ký hợp đồng nguyên tắc, thực hiện chế biến than. |
| 18 | 1271/NQ-HĐQT | 03/8/2018 | V/v nộp tiền sử dụng đất dự án Nhân Chính. |
| 19 | 1272/NQ-HĐQT | 03/8/2018 | V/v vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động Vicem Comatce. |
| 20 | 1433/NQ-HĐQT | 24/8/2018 | Phiên họp Hội đồng quản trị Quý II năm 2018 |
| 21 | 1512/NQ-HĐQT | 11/09/2018 | V/v phân công nhiệm vụ các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng |
| 22 | 1669/NQ-HĐQT | 05/10/2018 | V/v ủy quyền vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động Vicem Comatce |
| 23 | 1774/NQ-HĐQT | 24/10/2018 | Phiên họp Hội đồng quản trị Quý III năm 2018 |
| 24 | 1815/NQ-HĐQT | 31/10/2018 | V/v bổ nhiệm lại cán bộ |
| 25 | 1888/NQ-HĐQT | 12/11/2018 | V/v bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng |
| 26 | 2225/NQ-HĐQT | 31/12/2018 | V/v thông qua các hợp đồng mua/bán than 2019 |

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp cùng với Ban điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

- HĐQT thực hiện các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Tuy nhiên bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được cũng còn một số công việc tiến độ triển khai và kết quả đạt được chưa như kỳ vọng:

- Năm 2018, Hội đồng quản trị đã có nhiều giải pháp để chỉ đạo Ban điều hành thực hiện việc bán căn hộ chung cư, cho thuê văn phòng tại dự án tòa nhà

Comatce Tower, nhưng việc bán các căn hộ chung cư vẫn chậm chưa đạt như kế hoạch đề ra.

- Do hiện nay Vicem đang hoàn thiện các Quy chế mẫu, nên HĐQT chưa ban hành được một số quy chế quan trọng cần phải sửa đổi phù hợp với Điều lệ mới như: Quy chế Tài chính, quy chế mua sắm...

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2018, Ban giám đốc đã quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty bám sát các nội dung của nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT. Ban giám đốc đã hoạt động một cách chủ động, trách nhiệm cao bằng việc thực hiện các giải pháp về tổ chức nhân sự, tài chính kế toán, cơ chế kinh doanh, quảng cáo khuyến mại... trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

- *Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:* Năm 2018 có nhiều khó khăn đối với nguồn cung than, TKV chỉ đáp ứng được 53% nhu cầu của VICEM, nhu cầu than phục vụ cho Nhiệt điện tăng đột biến hơn 4 triệu tấn tương đương 11% gây mất cân bằng cung - cầu than tại thị trường nội địa. Giá than nội địa cũng biến động mạnh cao nhất lên tới 15,8% so với đầu năm. Giá than nhập khẩu biến động mạnh, tăng cao nhất vào tháng 10/2018 với mức tăng 17% so với đầu năm. Giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, bám sát được kế hoạch đặt ra, tăng cường dự trữ ngay từ đầu năm, không ngừng tìm kiếm khai thác thị trường trong và ngoài nước, tìm kiếm các đối tác nhập khẩu than chất lượng cao, chú trọng công tác chế biến để cung cấp kịp thời cho các công ty xi măng không để xảy ra tình trạng thiếu hụt than, từ đó giúp duy trì hoạt động của Công ty đảm bảo mức lợi nhuận và chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch đề ra.

- *Về công tác tài chính kế toán:* Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với các khoản nợ, Ban điều hành đã chỉ đạo tìm các biện pháp thu hồi công nợ, tuy nhiên dư nợ phải thu của các công ty xi măng vẫn còn cao hơn so với cam kết. Đối với các khoản nợ phải trả, Công ty chủ yếu thanh toán các khoản nợ đến hạn để giảm chi phí tài chính cho Công ty. Bên cạnh đó, mối quan hệ với các tổ chức tín dụng, ngân hàng được tăng cường và trong năm 2018, Công ty được cấp hạn mức với lãi suất thấp (khoảng 6%/năm) đảm bảo nguồn vốn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

- *Về công tác đầu tư kinh doanh bất động sản:* Năm 2018 Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện đẩy nhanh tiến độ dự án đầu tư xây dựng tòa nhà Nhân Chính, hoàn tất các thủ tục liên quan để bàn giao căn hộ đã bán cho khách hàng. Thực hiện chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tích cực trong công tác truyền thông và đưa ra các chính sách khuyến mại, cải tạo bổ sung thêm các tiện ích cho tòa nhà... để đẩy nhanh việc bán hàng và cho thuê văn phòng. Tuy nhiên trong năm 2018 thị trường kinh doanh bất động sản tăng trưởng thấp, thương hiệu và sản phẩm căn hộ của Công ty chưa đủ sức cạnh tranh, do Công ty mới bước vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản và các căn hộ với thiết kế về diện tích lớn, nội thất, tiện ích... chưa phù hợp với khách hàng hiện nay, nên việc bán căn hộ còn chậm chưa đạt mục tiêu đề ra.

- *Về công tác tổ chức nhân sự:* Ban điều hành đã chỉ đạo tiến hành rà soát, sắp xếp, định biên lao động, tuyển dụng và bồi dưỡng cán bộ, công nhân viên, nâng cao trình

độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với chức năng nhiệm vụ thực tế của các phòng ban, đơn vị tại Công ty, đồng thời Công ty cũng điều chỉnh, sửa đổi chức năng nhiệm vụ của một số Phòng, Ban, đơn vị để đảm bảo hoạt động có hiệu quả hơn.

- Về công tác khác: Năm 2018 công ty đã hoàn thành việc đóng mới và đưa 03 đoàn sà lan vào vận hành, khai thác sử dụng tăng năng lực cho Đoàn vận tải, giúp Công ty chủ động, linh hoạt hơn trong điều hành đặc biệt trong những thời điểm khó khăn về phương tiện.

Trong năm 2018, còn có một số công tác Ban điều hành chưa thực hiện tốt:

- Ban điều hành đã triển khai nhiều biện pháp nhằm bán căn hộ và cho thuê văn phòng tại dự án tòa nhà COMATCE Tower nhưng tiến độ bán căn hộ còn chậm.
- Công tác sắp xếp và tuyển dụng lao động có chất lượng chưa đạt được kết quả như kỳ vọng.
- Việc kinh doanh Đoàn vận tải của Công ty đã cơ cấu lại, từng bước hoàn thiện nhưng vẫn chưa mang lại hiệu quả cao.

IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018

1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

- Các Báo cáo tài chính năm 2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết.

- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Các Báo cáo tài chính năm 2018 đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm 2018, phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu trong năm 2018 theo BCTC như sau:

| | Đơn vị tính | Thực hiện 2017 | Kế hoạch 2018 | Thực hiện 2018 | TH/KH 2018 | TH2018 /TH2017 |
|-------------------------|-------------|----------------|---------------|----------------|------------|----------------|
| 1. Tổng doanh thu | Tỷ đ | 4.032,3 | 3.763,955 | 3.476,369 | 92,4% | 86,2% |
| 2. Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đ | 143,143 | 51,093 | 51,101 | 100% | 35,7% |
| 3. Nộp ngân sách | Tỷ đ | 44,54 | 26,367 | 85.707 | 325,04% | 192,4% |
| 4. Cổ tức (dự kiến) | % | 25% | 15% | 15% | 100% | 60% |

- Căn cứ vào bảng tổng hợp nêu trên: Công ty đã cố gắng để hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu về kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2018. Tuy nhiên, tiến độ bán căn hộ tại tòa nhà Comatce Tower còn chậm, chưa đạt kế hoạch dẫn đến doanh thu đạt tỷ lệ thấp so với kế hoạch đề ra, cụ thể: doanh thu đạt 92,4% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 100 % kế hoạch, cổ tức (dự kiến) đạt 100% (Năm 2018: dự kiến chia cổ tức 15%, đã tạm ứng 5%).

- Mặc dù tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nhưng Công ty đã có nhiều nỗ lực trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tích cực tìm kiếm nguồn hàng, tiết kiệm chi phí, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, trả cổ tức cho cổ đông như dự kiến, vốn của cổ đông được bảo toàn và phát triển, tạo việc làm, đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân trong điều kiện khó khăn chung của nền kinh tế.

3. Tình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018.

3.1. Các chỉ tiêu phân tích tài chính

| Chỉ tiêu | Đơn vị | Năm 2017 | Năm 2018 |
|---------------------------------|--------|----------|----------|
| 1. Cơ cấu tài sản | | | |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 33,78% | 19,54% |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 66,22% | 80,46% |
| 2. Cơ cấu vốn | | | |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 70,96% | 69,33% |
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 29,04% | 30,67% |
| 3. Khả năng thanh toán | | | |
| - Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 0,69 | 0,78 |
| - Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | 0,98 | 1,22 |
| 4. Tỷ suất sinh lời | | | |
| - Lợi nhuận ST/Doanh thu thuần | % | 2,94% | 0,91 |
| - Lợi nhuận ST/Vốn chủ sở hữu | % | 25,04% | 6,77 |

Đánh giá chung: cơ cấu vốn, nguồn vốn của Công ty có biến động so với năm 2017. Cơ cấu tài sản có sự dịch chuyển từ tài sản dài hạn sang tài sản ngắn hạn, do dự án tòa nhà Nhân Chính đã hoàn thành, các căn hộ chung cư hình thành nên thành phẩm bất động sản, làm cho tài sản ngắn hạn có xu hướng tăng. Tỷ lệ nợ phải trả trong tổng nguồn vốn giảm; Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh trong năm 2018 được đảm bảo an toàn. Xét về chỉ tiêu tỷ suất sinh lời tính trên doanh thu và vốn chủ sở hữu thì kết quả năm 2018 giảm so với năm 2017. Nguyên nhân chính làm cho lợi nhuận năm 2018 giảm so với năm 2017 là do trong năm 2017 Công ty đã thu được khoản lợi nhuận khác 92,6 tỷ đồng từ việc thực hiện thanh lý 02 tàu biển, mặt khác năm 2018, Công ty đã phải nộp và ghi nhận vào chi phí khác khoản tiền chậm nộp tiền sử dụng đất dự án Nhân Chính 48,1 tỷ đồng. Song công ty đã thực hiện các biện pháp giảm chi phí ở mức hợp lý, giảm giá thành đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận như kế hoạch đặt ra. Mức sinh lời từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ vẫn tăng trưởng thể hiện qua chỉ tiêu: Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2018 bằng 2,7% so với năm 2017 là 1,03%.

3.2. Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính tại ngày 31/12/2018

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn là 1,22 lần, tỷ lệ này cho thấy Công ty đang đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.
- Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 2,26 lần, giảm so với đầu năm và <3. Tỷ lệ này là phù hợp với mô hình hoạt động và quy định của Công ty.

- Phải thu của khách hàng tại ngày 31/12/2018 là 623 tỷ đồng, bằng 18,1% doanh thu 2018 của Công ty. Tỷ lệ khoản phải thu khách hàng của Công ty là tương đối cao, cho thấy Công ty đang bị chiếm dụng vốn bởi khách hàng.

- Hàng tồn kho tại ngày 31/12/2018 là 415,83 tỷ đồng, so với đầu năm là 319,68 tỷ đồng. Hàng tồn kho tăng chủ yếu do tăng từ thành phẩm bất động sản hình thành từ các căn hộ tòa nhà Comatce Tower hoàn thành trong năm 2018, trong khi mặt hàng than cám tồn kho giảm so với đầu năm.

- Số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2018 là 787,12 tỷ đồng, so với đầu năm là 852,3 tỷ đồng. Vay ngắn hạn có xu hướng giảm do tồn kho hàng hóa (mặt hàng than cám) cuối năm 2018 giảm, dòng tiền tăng từ bán căn hộ tòa nhà Comatce Tower. Tuy nhiên, Công ty vẫn đang bị khách hàng chiếm dụng vốn nhiều dẫn đến dư nợ vay ngắn hạn còn khá cao.

- Số dư vay và nợ dài hạn tại ngày 31/12/2018 là 1,09 tỷ đồng so với đầu năm là 54,08 tỷ đồng, vay dài hạn của Công ty giảm xuống do Công ty cân đối trả vay dài hạn cho đầu tư để đảm bảo hiệu quả dự án Nhân chính, dư nợ 1,09 tỷ đồng được vay từ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam nhằm tài trợ cho tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là ô tô Toyota Lancruiser Prado.

V. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2018

1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 và trả cổ tức cho Cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Công ty đã thực hiện trả cổ tức cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và tạm ứng cổ tức năm 2018 là 5%.

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

2. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

Công ty đã lựa chọn và ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.

3. Trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018.

Công ty đã thực hiện trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2018 theo đúng mức đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.

4. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018: Về cơ bản, Công ty đã cố gắng để hoàn thành các mục tiêu đề ra tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty. Tuy nhiên, tiến độ bán căn hộ tại tòa nhà Comatce Tower còn chậm ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

VI. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Công ty có giải pháp triển khai nhanh việc bán các căn hộ thuộc tòa nhà Comatce Tower nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư kinh doanh bất động sản, tạo dòng tiền cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Hoàn thiện ban hành các Quy chế quan trọng cần phải sửa đổi phù hợp với Điều lệ mới như: Quy chế Tài chính, quy chế mua sắm...tạo hành lang pháp lý để Công ty thực hiện đúng quy định của Pháp luật và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Đề nghị Giám đốc Công ty cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý và biện pháp tích cực thu hồi, kiểm soát công nợ để giảm vốn bị chiếm dụng, tăng vòng quay vốn lưu động, để giảm thiểu chi phí lãi vay, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

4. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ trong sản xuất kinh doanh góp phần tăng năng suất lao động, giảm giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

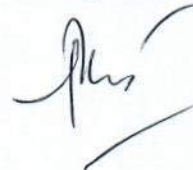
VII. TỰ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2018 theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ Công ty và ĐHCĐ đã giao.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình thực hiện và kết quả kiểm soát trong năm 2018.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
Trưởng Ban



Nguyễn Thị Thu Hà



Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018 MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ KHSXKD NĂM 2019

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH NĂM 2018:

1. Chính sách kinh tế vĩ mô:

- Tổng sản phẩm GDP năm 2018 tính tăng trưởng khoảng 7,08% ghi nhận mốc cao nhất trong một thập kỷ;
- Giá xăng dầu trong năm 2018 biến động mạnh, có thời điểm tăng cao lên tới 16%.

2. Chính sách tiền tệ:

- Tăng trưởng tín dụng năm 2018 đạt 13,30% (tăng 16,96% so với cùng kỳ năm trước), chất lượng tín dụng tốt hơn, xử lý nợ xấu hiệu quả hơn.
- Thị trường tài chính ổn định, lãi suất trượt giá có tăng nhưng ở mức thấp khoảng 3%. Mặt bằng lãi suất cho vay được giữ ổn định, lãi suất cho vay ngắn hạn là 6%-9%/năm;
- Tỷ giá USD/VNĐ bình quân năm 2018 tăng 1,29% so với năm 2017.

3. Ngành xi măng:

- Nhu cầu tiêu thụ nội địa khoảng 63,4 triệu tấn năm 2018 tăng 5,1% so với cùng kỳ (riêng Quý 4/2018 đạt 17,6 triệu tấn tăng 6,6% so với cùng kỳ). Thị trường tiêu thụ nội địa tăng trưởng 6%, thị trường xuất khẩu tăng mạnh do nhu cầu nhập khẩu tăng cao từ Trung Quốc và Philippines.
- Tổng sản phẩm tiêu thụ (xi măng + clinker) VICEM đạt 29,2 triệu tấn bằng 104,3% KH năm, tăng gần 10% so với cùng kỳ.

4. Thị trường than:

Năm 2018 có nhiều khó khăn đối với nguồn cung than, nhu cầu than phục vụ cho Nhiệt điện tăng đột biến hơn 4 triệu tấn tương đương 11% (từ 25,5-29,5 triệu tấn) so với kế hoạch đầu năm.

- TKV 3 lần ra quyết định tăng giá, so với đầu năm 2018 giá than tăng cao nhất lên tới 15,8% so với đầu năm làm tăng chi phí đầu vào sản xuất xi măng và giá thành than chế biến.

- Giá than nhập khẩu biến động mạnh, tăng cao nhất vào tháng 10/2018 với mức tăng 17% so với đầu năm.

- Nhu cầu than của toàn VICEM năm 2018 là 2,6 triệu tấn/ khả năng cung cấp của Vinacomin cho VICEM khoảng 1,4 triệu tấn, nhu cầu than cho VICEM là không đủ.

Đứng trước thực trạng khó khăn về nguồn cung Công ty đã nỗ lực, chủ động, linh hoạt trong tìm kiếm các nguồn than, tổ chức chế biến, cung cấp đủ than cho các đơn vị thành viên Vicem phía Bắc.

II. Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2018:

1. Thực hiện mục tiêu tài chính:

| Nội dung | Đvt | Kế hoạch | TH năm 2018 | | So với cùng kỳ | |
|----------------------|---------|-----------|-------------|---------|----------------|------------------|
| | | | Thực hiện | %TH /KH | Năm 2017 | % so với cùng kỳ |
| Tổng Doanh thu | Tr.đồng | 3.763.955 | 3.476.369 | 92,4% | 4.032.300 | 86,2% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tr.đồng | 51.093 | 51.101 | 100% | 143.143 | 35,7% |
| Lợi nhuận sau thuế | Tr.đồng | 40.874 | 31.196 | 76,3% | 114.496 | 27,2% |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức | % | 15 | 15 | 100% | 25 | 60% |
| Nộp ngân sách | Tr.đồng | 26.367 | 85.707 | 325% | 44.540 | 192,4% |
| EBITDA | Tr.đồng | 98.689 | 111.112 | 112,6% | 199.362 | 55,7% |
| R.O.E (LN/VCSH) | % | 9,86 | 7,86 | 79,7% | 29,64 | 26,6% |
| R.O.A (LN/TTS) | % | | 2,02 | | 6,92 | 29,5% |
| R.O.S (LN/DT) | % | 1,09 | 0,9 | 83% | 2,84 | 31,7% |

Thực hiện doanh thu đạt 3.476.369 triệu đồng/KH 3.763.955 triệu đồng đạt 92,4% (trong đó doanh thu than đạt 3.186.811 triệu đồng/KH 3.301.333 triệu đồng đạt 96,5%) do trong năm 2018 Công ty chưa cung cấp vào thị trường Vicem Hải Vân; Vicem Hà Tiên, nhu cầu các nhà máy chuyển đổi sử dụng than từ 3c.1 sang 4a.1. So với cùng kỳ đạt 86,2% do năm 2017 ghi nhận doanh thu do bán thanh lý 02 tàu biển là 92,6 tỷ đồng.

Công ty đã tích cực tìm nhiều giải pháp để hoàn thành kế hoạch lợi nhuận mục tiêu tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đã ban hành (51,093 tỷ), cụ thể như:

- Chủ động tiết giảm chi phí quản lý, rà soát tiết kiệm chi tiêu.
- Quản lý tiết kiệm hao hụt tốt do tổ chức công tác giao nhận có hiệu quả. Chi phí hao hụt các tuyến hầu hết thấp hơn định mức cho phép;
- Năm 2018, Công ty đã làm việc với các ngân hàng để được cấp tín dụng với lãi suất vay ưu đãi (khoảng 6 %/năm), đảm bảo nguồn vốn duy trì hoạt động kinh doanh; Tăng cường hợp tác thúc đẩy phát triển và nâng cao uy tín với các tổ chức tín dụng trong nước.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2018 đạt 51,101 tỷ đồng/ kế hoạch 51,093 tỷ đồng, đạt 100%.
- Dư nợ bình quân đã được kiểm soát, so với cùng kỳ dư nợ của các nhà máy đều giảm từ 10% - 34% so với cùng kỳ năm 2017.

2. Thực hiện các lĩnh vực kinh doanh

2.1. Kinh doanh Than:

| Nội dung | Năm 2018 | | | So với cùng kỳ | |
|---------------|-----------|-----------|--------|----------------|---------|
| | Kế hoạch | Thực hiện | %TH/KH | Năm 2017 | Tỷ lệ % |
| Mua vào (tấn) | 1.500.000 | 1.406.197 | 94% | 1.663.560 | 85% |
| Bán ra (tấn) | 1.518.000 | 1.421.720 | 94% | 1.752.975 | 81% |

a) Thực hiện sản lượng mua vào:

Năm 2018 là năm khó khăn đối với kinh doanh than, nguồn than trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu của xã hội, đặc biệt khi các nhà máy chuyển đổi nhu cầu sử dụng than từ cám 3c.1 sang 4a.1. Bên cạnh đó, các tác động của việc 3 lần tăng giá than của TKV, đặc biệt là than 5a.3 vào thời điểm cuối năm đã đặt ra nhiều thách thức đối với công tác chế biến than của Công ty.

Sản lượng than mua vào thực hiện là 1.406.197 tấn, đạt 94% so với KH năm, bằng 85% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng than mua từ TKV đạt 109% so với KH năm, đạt 102% so với cùng kỳ năm 2017, bằng 43% sản lượng TKV cấp cho các hộ xi măng trong cả nước.

Các phòng ban chức năng phối hợp với các chi nhánh đầu nguồn liên tục bám sát tiến độ rút hàng của các nhà cung cấp, đảm bảo lấy tối đa sản lượng hàng theo xác báo, điều chuyển linh hoạt hàng hóa giữa các tuyến, đảm bảo phục vụ nhu cầu sản xuất xi măng của các đơn vị thành viên VICEM.

Tận dụng được lợi thế dự trữ hàng tồn kho đảm bảo cân đối đủ nguồn than cho phục vụ sản xuất. Thực hiện mua than nhập khẩu bán thẳng vào các nhà máy và phục vụ công tác chế biến tạo thêm nguồn.

Tận dụng triệt để các chính sách hỗ trợ từ nhà cung cấp.

Thường xuyên cập nhật, nắm chắc thông tin thị trường than trong nước và thế giới để đưa ra các phương án, kế hoạch điều hành kinh doanh linh hoạt, mang lại hiệu quả trong công tác chế biến và tồn kho than hợp lý từng thời điểm.

b) Thực hiện sản lượng bán ra:

Sản lượng thực hiện bán ra đạt 1.421.720 tấn, đạt 97% sản lượng cùng kỳ cấp cho các đơn vị VICEM Phía Bắc. Năm 2018 Công ty chưa cung cấp cho Vicem Hải Vân và Vicem Hà Tiên sản lượng giảm 19% so với cùng kỳ.

Sản lượng thực hiện bán ra cho các đơn vị thành viên VICEM đã bám sát hợp đồng đã ký kết 2018, trong đó thực hiện bán tăng so với hợp đồng đối với Vicem Hoàng Thạch tăng 5%, Vicem Bút Sơn tăng 10%, Vicem Bỉm Sơn tăng 12%.

Để đạt được các kết quả nêu trên Công ty đã có nhiều giải pháp tích cực trong quản lý điều hành đáp ứng đủ than phục vụ nhu cầu sản xuất xi măng của các nhà máy VICEM Phía Bắc.

Năm 2018 nhận định được diễn biến khó khăn nguồn cung nên ngay từ những tháng cuối năm 2017 và các tháng đầu năm 2018 Công ty đã tăng cường mua than 3c.1 dự trữ tại Bãi Ninh Bình để đảm bảo duy trì chạy lò cho nhà máy xi măng Bỉm Sơn, Tam Điệp và Bút Sơn trong các giai đoạn khó khăn về nguồn hàng đồng thời đem lại hiệu quả do biến động tăng giá than góp phần vào hiệu quả chung trong SXKD 2018.

Mặc dù vậy, sản lượng thực hiện năm 2018 đạt 94% so với Kế hoạch mục tiêu tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2018, nguyên do:

- Các nhà máy ký kết hợp đồng mua than 2018 thấp hơn 5% so với nhu cầu đăng ký (HĐ 1.448.000 tấn/ Nhu cầu 1.518.000 tấn).

- Sản lượng thực hiện hàng tháng các nhà máy không ổn định, một số đơn vị mua thấp hơn so với bình quân hợp đồng, điển hình là XM Hoàng Mai mua thấp hơn 35%, XM Tam Điệp thấp hơn 14%, XM Hải Phòng thấp hơn 24%.

2.2. Kinh doanh Bất động sản:

| Nội dung | Đvt | Năm 2018 | | |
|---------------------|---------|----------|-----------|--------|
| | | Kế hoạch | Thực hiện | %TH/KH |
| Số căn hộ bàn giao | Căn | 100 | 54 | 54% |
| Cho thuê văn phòng | m2 | 5.697 | 4.466 | 78% |
| Doanh thu từ KD BĐS | Tr.đồng | 461.781 | 253.468 | 55% |

Năm 2018 thị trường kinh doanh Bất động sản tăng trưởng thấp, diễn biến thị trường thực sự gặp nhiều khó khăn, Ban điều hành công ty đã tìm kiếm mọi giải pháp triển khai thực hiện và đạt được các kết quả sau:

- Hoàn tất cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng tòa nhà của Cục Giám định nhà nước cho tòa nhà Comatce Tower.

- Hoàn tất cấp Giấy chứng nhận đạt chuẩn Phòng cháy chữa cháy của Cảnh sát PCCC Hà Nội cho tòa nhà, đảm bảo đầy đủ mọi điều kiện an toàn, kiến tạo môi trường đạt chuẩn phục vụ khách hàng.

- Thực hiện quyết toán 04 gói thầu đã được Công ty kiểm toán kiểm tra ra báo cáo kiểm toán.

- Tăng cường các hoạt động Marketing, truyền thông, quảng cáo trên báo BĐS, đài VOV và các trang truyền thông khác; cải tạo, bổ sung thêm các tiện ích của tòa nhà để thu hút, kích thích tiêu thụ sản phẩm và mang lại các giá trị thiết thực cho khách hàng.

Một số hạn chế:

Tiến độ cho thuê văn phòng đã lấp đầy hơn 50% diện tích song vẫn chưa đạt yêu cầu, việc bán căn hộ còn chậm, các chương trình bán hàng chưa tạo được sức hút với khách hàng, nguyên nhân:

- Chịu sự cạnh tranh lớn từ nhiều dự án lân cận; thiết kế căn hộ có diện tích lớn.
- Năng lực của bộ phận bán hàng, chăm sóc khách hàng còn hạn chế.
- Cơ chế chính sách bán hàng chưa thực sự linh hoạt...

2.3. Kinh doanh Đoàn Vận tải:

| Nội dung | Năm 2018 | | | So với cùng kỳ 2017 | |
|--------------------------|----------|-----------|--------|---------------------|---------|
| | Kế hoạch | Thực hiện | %TH/KH | TH Năm 2017 | Tỷ lệ % |
| Sản lượng vận tải (tấn) | 314.000 | 282.577 | 90% | 133.858 | 211% |
| Doanh thu vận tải (tr.đ) | 12.799 | 11.021 | 86% | 4.927 | 224% |
| (Trong đó: VT thuê) | | 2.909 | | 656 | 443% |

Năm 2018, ĐVT tập trung vận tải than cho Công ty đồng thời kết hợp hàng hai chiều đã góp phần vào hiệu quả SXKD chung của Công ty, thực hiện vận tải tăng 111% so với cùng kỳ về sản lượng, tăng 124% về doanh thu, đặc biệt doanh thu vận chuyển kết hợp tăng 343% so với cùng kỳ. Để đạt được kết quả vượt bậc trên Ban điều hành Công ty đã triển khai tái cấu trúc mô hình hoạt động của Đoàn Vận tải mang lại hiệu quả năm 2018 là 50,38 triệu đồng.

Đoàn vận tải thực hiện theo phương án khoán kinh doanh, nhằm tạo tính chủ động trong khai thác nguồn hàng, hàng hai chiều, tăng vòng quay phương tiện, doanh thu, bước đầu đã có hiệu quả và ổn định kinh doanh.

3. Đánh giá thực hiện công tác quản lý, điều hành của Công ty

3.1. Công tác chế biến than tại các bãi

Ngay từ đầu năm 2018 khi TKV tăng giá than, các nhà máy đã chuyển đổi nhu cầu sử dụng sang chủng loại than 4a.1 tăng đột biến trong khi khả năng đáp ứng chủng loại than 3c.1 và 4a.1 của TKV không đủ đáp ứng đủ nhu cầu. Trước tình trạng này Ban điều hành Công ty đã định hướng tăng cường công tác triển khai chế biến than tại các bãi để bổ sung nguồn 4a.1 thiếu hụt, đảm bảo ổn định sản lượng than cung cấp cho phục vụ sản xuất của các đơn vị thành viên VICEM.

** Ưu thế của việc thuê kho/bãi chế biến và dự trữ than:*

- Tăng tính chủ động cho Công ty về cân đối nguồn, đảm bảo duy trì than ổn định phục vụ sản xuất xi măng trong VICEM, đặc biệt khi thị trường diễn biến không thuận lợi Công ty không bị động vào các đơn vị cung cấp.

- Giảm chi phí chờ đợi của phương tiện tại đầu cuối.

- Thuê bãi dự trữ than trong những năm qua đã tạo được lợi thế thương mại sau những lần tăng giá than của TKV đã góp phần tăng lợi nhuận của Công ty.

Tổng sản lượng than chế biến của Công ty đạt 446.728 tấn chiếm 31,4% sản lượng cung cấp, chất lượng tuân thủ theo đúng TCVN, ổn định chạy lò cho sản xuất xi măng và nhận được các phản hồi tích cực từ nhà máy.

Thực hiện chỉ đạo chung của Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam, Công ty đã tăng cường tiết giảm chi phí, tận dụng lợi thế hàng tồn kho, điều chỉnh tăng/giảm giá bán hợp lý theo từng thời điểm cho một số nhà máy trong VICEM.

3.2. Công tác thuê dịch vụ vận tải hàng hóa:

Công ty đã tổ chức đấu thầu nhằm lựa chọn ra các đơn vị vận tải chiến lược cấp 1 đảm bảo tính minh bạch, đầy đủ năng lực, giá cả cạnh tranh và đáp ứng yêu cầu vận chuyển ổn định; lựa chọn các đơn vị vận tải cấp 2, 3 có giá cước vận tải thấp hơn cấp 1 nhằm tiết giảm cước phí bình quân.

Năm 2018: Khối lượng vận tải đạt 1.518.289 tấn đạt 101% so với KH (1.500.000 tấn), và đạt 91% so với cùng kỳ (1.660.579 tấn), nguyên nhân chủ yếu do 2018 Công ty chưa thực hiện vận tải tuyến miền Nam – Trung.

Các đơn vị vận tải đã nỗ lực cùng với Vicem Comatce điều động linh hoạt phương tiện đi các tuyến phục vụ sản xuất của nhà máy xi măng.

Trong năm các đơn vị đã phối hợp giải phóng nhanh tàu than nhập khẩu từ Nga và nhận được đánh giá cao từ các đối tác cung cấp than (đã được thưởng cho giải phóng nhanh tàu biển).

+ Công ty đã sàng lọc, lựa chọn các phương tiện đảm bảo đủ điều kiện an toàn hành trình các tuyến, 100% các đoàn phương tiện đều được niêm phong kẹp chì, kiểm soát hành trình đi đường do đó đã hạn chế tối đa hao hụt và đảm bảo chất lượng than.

+ Thực hiện xây dựng theo kế hoạch mua hàng tuần, điều tiết phương tiện hàng ngày nên việc huy động phương tiện vận tải kịp thời. Duy trì phương tiện đang rút và chờ rút tại các cảng đảm bảo liên tục, không để trống bến.

* *Quản lý hao hụt*: Hao hụt cho phép từng tuyến định mức từ 0,3%-0,5%. Tỷ lệ hao hụt 2018 các tuyến bình quân đạt 0.21%, đều thấp hơn tỷ lệ cho phép tương ứng từng tuyến.

3.3 Công tác quản lý chất lượng hàng hóa:

Chất lượng hàng hóa của công ty năm 2018 khi giao vào các nhà máy 100% hàng hóa được kiểm tra chất lượng trước khi giao và thực hiện giao qua cân của nhà máy do vậy chất lượng đảm bảo theo tiêu chuẩn hợp đồng.

3.4 Công tác đầu tư xây dựng:

| Nội dung (ĐVT:Tr.đồng) | Năm 2018 | | | Lũy kế đến thời điểm 31/12/2018 |
|----------------------------|----------|-----------|--------|------------------------------------|
| | Kế hoạch | Thực hiện | %TH/KH | |
| Giá trị thực hiện ĐTXD | 1.727 | 1.913 | 110% | 672.660 |
| Giá trị giải ngân năm 2018 | 124.235 | 58.691 | 47% | 586.592 |

Về thực hiện đầu tư sửa chữa trong năm 2018: Công ty đã tiến hành sửa chữa văn phòng đại diện của 03 chi nhánh trực thuộc (CN Hoàng Thạch, CN Quảng Ninh, Văn phòng Đoàn Vận tải) và nhà kho, gara ô tô tại Văn phòng Công ty tại 21B Cát Linh tạo cơ sở vật chất hình ảnh khang trang hơn phục vụ giao dịch sản xuất kinh doanh.

Bám sát tinh thần chỉ đạo Tổng Công ty và Hội đồng quản trị Công ty quyết toán dự án Comatce Tower trước thời điểm 31/12/2018. Tuy nhiên việc quyết toán còn chậm vì nhiều lý do khách quan, phục thuộc vào tiến độ tập hợp chứng từ của các nhà thầu.

4. Đánh giá thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp

4.1. Công tác kế hoạch chiến lược:

- Hoàn thiện và báo cáo Tổng Công ty Kế hoạch Chiến lược Vicem Comatce giai đoạn 2018-2022.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị thành viên, các đơn vị tư vấn, các phòng ban chức năng của TCTy để hoàn thiện thông qua HĐQT và báo cáo Tổng Công ty phương án sáp nhập 3 đơn vị là Công ty CP Vicem Vật tư Vận tải Xi măng, Công ty Vận tải Hoàng Thạch và Công ty Thạch Cao xi măng theo đúng tinh thần chỉ đạo của Tổng Công ty Công Nghiệp xi măng Việt Nam.

4.2. Công tác tổ chức - Lao động:

* *Công tác tổ chức, cán bộ, đào tạo*:

- Thực hiện công tác bổ nhiệm 03 cán bộ đúng quy định, quy trình, trong đó bổ nhiệm mới 02 cán bộ diện Công ty quản lý và bổ nhiệm lại 01 cán bộ diện Tổng công ty quản lý.

- Triển khai công tác rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2016-2021.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, nhân viên để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu công việc: đào tạo 23 khóa với 212 lượt người được đào tạo.

- Về công tác tuyển dụng lao động: năm 2018: đã tuyển dụng 14 lao động, trong đó 02 nhân viên giao nhận cho các chi nhánh và 12 thuyền viên cho đoàn Vận tải.

Công tác nhân sự đã được quy hoạch và kiện toàn.

*** Công tác Lao động - tiền lương:**

Kết quả thực hiện lao động - tiền lương năm 2018:

- + Số lao động bình quân năm 2018: 232 người.
- + Thu nhập bình quân (từ nguồn lương 2018): 13,18 triệu đồng/người/tháng.
- + Năng suất lao động tăng 4,5% so với cùng kỳ năm 2017.

4.3. Công tác pháp chế và quản lý:

- Xây dựng sửa đổi, bổ sung và ban hành 14 quy chế, quy định nội bộ;
- Thực hiện kiểm soát nội bộ với phương thức thực hiện kiểm soát trước, trong quá trình đã góp phần tích cực và việc hạn chế những sai sót của các phòng ban trong quá trình thực hiện.

4.4. Các công tác khác

- Công tác ISO: xây dựng lại các quy trình và tổ chức đánh giá lại hệ thống quản lý chất lượng theo phiên bản mới ISO 9001 : 2015.
- Tổ chức Hội nghị An toàn lao động toàn Công ty năm 2018.
- Tổ chức Tập huấn PCCC cho cán bộ công nhân viên toàn Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các báo cáo về ATVSLĐ. Thực hiện kiểm tra công tác ATVSLĐ – PCCN tại các đơn vị đặc biệt là tại Dự án xây dựng tòa nhà Comatce Tower.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN SXKD NĂM 2019

I/ Nhận định thị trường năm 2019:

- Năm 2019 tiếp tục là năm khó khăn về nguồn cung than, giá thành khai thác than nội địa ngày càng cao, nguồn than nội địa ngày càng hạn chế về số lượng và chủng loại, than phục vụ nhu cầu cho xã hội vẫn khó khăn, nguồn cho xi măng là không đủ trong năm 2019 và các năm sau.
- Năm 2019, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia TKV và Tổng Đông Bắc ưu tiên tuyệt đối sản lượng than cho sản xuất điện.
- Tập đoàn than dừng chính sách hỗ trợ thanh toán trả trước cho khách hàng, Công ty đã đàm phán được phương thức thanh toán trả sau bằng bảo lãnh ngân hàng với TKV để giảm bớt áp lực trong thanh toán trả trước.
- Cảng Nam Cầu Trắng từ 01/01-01/04/2019 dừng sàng tuyển, chấm dứt mọi hoạt động cấp than từ 01/6/2019 theo QĐ của tỉnh Quảng Ninh (trong đó than mua qua Nam Cầu Trắng của Vicem Comatce chiếm 60% sản lượng hàng mua các năm qua) và chuyển mọi hoạt động sang khu vực Cảng Làng Khánh gây khó khăn do phụ thuộc vào con nước và trọng tải, thiết kế phương tiện.
- Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung dự báo có nhiều tác động đối với thị trường xuất nhập khẩu và tỷ giá USD.
- Than nhập khẩu: chính sách giá than nhập khẩu thường xuyên biến động, triển khai tự nhập khẩu còn chậm.

- Để tiết kiệm chi phí giá thành cho sản xuất, Tổng Công ty Công nghiệp xi măng cho phép các đơn vị thành viên chủ động mua nguyên vật liệu sẽ ảnh hưởng đến HD chiến lược với TKV .

- Thị trường bất động sản tăng trưởng ổn định, phân khúc văn phòng kỳ vọng sẽ đạt được nhiều triển vọng khi chính phủ thực hiện các chủ trương cải cách thể chế tạo hành lang khuyến khích cho doanh nghiệp phát triển.

II/ Mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019:

| STT | Nội dung | Đvt | Kế hoạch SXKD năm 2019 | % so với TH 2018 |
|------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|------------------|
| I | Kinh doanh | | | |
| A | Kinh doanh than | | | |
| 1 | Mua vào | Tấn | 1.600.000 | 114% |
| 2 | Bán ra | Tấn | 1.500.000 | 106% |
| 3 | Doanh thu | Triệu đồng | 3.649.179 | 115% |
| B | Kinh doanh BĐS | | | |
| 1 | Giá trị đầu tư | Triệu đồng | 386 | 20% |
| 2 | Giải ngân | Triệu đồng | 86.541 | 147% |
| 3 | Bán căn hộ | Căn | 35 | 65% |
| 4 | Cho thuê văn phòng | m2 | 4.066,07 | 91% |
| 5 | Doanh thu KD BĐS | Triệu đồng | 173.504 | 68% |
| C | Kinh doanh Đoàn Vận tải | | | |
| | Sản lượng vận tải | tấn | 290.400 | 103% |
| | Doanh thu vận tải | Triệu đồng | 13.625 | 123% |
| | (Tr,đó VT thuê) | Triệu đồng | 3.254 | 113% |
| D | Cho thuê kho, cửa hàng | Triệu đồng | 872 | 100% |
| II | Tài chính | Triệu đồng | | |
| 1 | Tổng Doanh thu | " | 3.826.811 | 110% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | " | 59.183 | 116% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | " | 47.346 | 152% |
| 4 | Nộp ngân sách | " | 29.266 | 34% |
| 5 | EBITDA | " | 108.606 | 98% |
| 6 | Tỷ lệ cổ tức (bằng tiền) | % | 10 | 67% |
| 7 | R.O.E (LN/VCSH) | % | 11,85 | 150% |
| 8 | R.O.S (LNST/DTT) | % | 1,24 | 137% |
| III | Lao động – tiền lương | | | |
| 1 | Tổng số lao động bình quân | Người | 230 | 99% |
| 2 | Tiền lương bình quân người LĐ | Tr.đ/ng/thg | 14 | 106% |
| 3 | Năng suất lao động bình quân | Tr.đ/ng/năm | 440 | 112% |

III/ Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện SXKD năm 2019:

Với những khó khăn thách thức nêu trên, để đạt được lợi nhuận kinh doanh trong năm 2019, Công ty sẽ phấn đấu thực hiện tốt các giải pháp:

1. Công tác tài chính:

- Điều hành tốt nguồn vốn ngắn hạn thông qua việc bám sát tiến độ rút hàng tại đầu nguồn.

- Đẩy mạnh công tác hoàn thiện chứng từ và tăng cường thu hồi nợ, tránh nợ đọng quá thời gian quy định;

- Làm việc với các Ngân hàng để tiếp tục được vay tín chấp các gói có lãi suất ưu đãi;

- Tiếp tục làm việc với nhà máy về dư nợ để tiết giảm được chi phí tài chính.

2. Công tác kinh doanh:

a. Kinh doanh than:

- Tiếp tục làm việc TKV, Tổng Đông Bắc các đơn vị thương mại thuộc BQP bám sát tiến độ rút hàng đảm bảo duy trì nguồn mua than 3c.1; 4a.1 như kế hoạch SXKD đã xây dựng 2019.

- Phân tích thị trường than nội địa, nhận định đưa ra các phương án chủ động trong trường hợp biến động giảm giá làm ảnh hưởng đến hàng tồn kho, xây dựng định mức hàng tồn kho tối đa, tối thiểu phù hợp với tình hình SXKD của Công ty.

- Bám sát diễn biến thị trường than thế giới tìm kiếm các nguồn than nhập khẩu có giá cạnh tranh, ổn định về nguồn hàng có chất lượng phù hợp cho sản xuất xi măng để giao thẳng vào nhà máy và phục vụ chế biến tạo nguồn.

- Rà soát cân đối điều tiết lượng than cung cấp cho các Công ty xi măng phù hợp với dư nợ và tồn kho.

- Tiết giảm tối đa các chi phí để đảm bảo giá cung cấp than cạnh tranh cho các nhà máy.

- Tập trung nhập khẩu và chế biến than là mục tiêu chiến lược

* Công tác chế biến: Nâng cao năng lực chế biến tại các bãi (bãi Gia Đức và bãi Ninh Bình), nhập đa dạng chủng loại than về các bãi phục vụ công tác chế biến đảm bảo đủ nguồn, ổn định chất lượng đáp ứng theo TCVN 8910:2015.

* Tổ chức đấu thầu lựa chọn các đối tác vận tải, chế biến...tuân thủ quy định pháp luật đảm bảo lựa chọn được những đối tác vận chuyên có đủ năng lực và giá cả cạnh tranh, ổn định trong xu hướng giá xăng dầu trong nước thường xuyên biến động.

* Tăng cường kiểm soát chất lượng hàng hóa từ khi rút xuống phương tiện đến khi giao vào các nhà máy như công tác giám sát chất lượng ngay tại đầu nguồn, sàng lọc phương tiện, giám sát hành trình, niêm phong hàng hóa, giám sát mô hình hàng hóa trên phương tiện... 100% hàng hóa giao qua cân nhà máy và phải được kiểm soát chất lượng trước khi giao.

* Mở rộng thị phần cung cấp than cho các đơn vị ngoài VICEM (sau khi được chấp thuận chủ trương từ Tổng Công ty).

b. Kinh doanh Đoàn vận tải:

Tiếp tục thực hiện phương án khoán kinh doanh, nâng cao tính chủ động cho Đoàn vận tải trong công tác khai thác nguồn hàng cũng như thuê phương tiện để nâng cao năng lực đoàn vận tải thủy tạo lợi thế trong cạnh tranh giá logistic cũng như năng lực giải phóng tàu biển.

Giao kế hoạch lợi nhuận 736 triệu đồng; đảm bảo thu hồi công nợ và cải thiện tiền lương cho thuyền viên.

c. Kinh doanh Bất động sản:

- Phối hợp với đơn vị quản lý vận hành nâng cao chất lượng dịch vụ tòa nhà, nghiên cứu mô hình kinh doanh mới, tăng tỷ lệ lấp đầy diện tích cho thuê văn phòng, khai thác tối đa tiện ích của tòa nhà để tăng nguồn thu.

- Tăng cường các hoạt động truyền thông, xây dựng chi tiết các kế hoạch Marketing đưa hình ảnh và tiện ích của dự án đến với khách hàng. Phân đấu bán hết các căn hộ còn lại trong năm 2019.

3. Công tác tổ chức - lao động:

- Tìm mọi giải pháp để tăng năng suất lao động, phấn đấu tăng năng suất lao động năm 2019 so với 2018 là 12% tăng hiệu quả sử dụng lao động và chất lượng nguồn nhân lực.

- Thực hiện tuyển dụng lao động làm công tác giao nhận phải đáp ứng sẵn sàng điều động công tác luân chuyển lao động tại các đơn vị trong Công ty.

4. Công tác khác

- Công tác pháp chế: Kiện toàn bộ phận pháp chế, rà soát lại các văn bản quy phạm nội bộ để hoàn thiện, sửa đổi bổ sung cho phù hợp với quy định của Pháp luật và của VICEM.

- Tiếp tục tái cấu trúc Công ty cùng với VICEM theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ xây dựng.

- Từng bước ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất kinh doanh để tăng năng suất lao động.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và mục tiêu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng. Thay mặt ban lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng, tôi trân trọng cảm ơn sự quan tâm chỉ đạo của Ban lãnh đạo Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam, sự hợp tác của các công ty xi măng thuộc VICEM, Tập đoàn Than – Khoáng Sản Việt Nam và các đơn vị vận tải, các cổ đông của Công ty...đã tin nhiệm, song hành cùng với Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải xi măng hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018.

Trân trọng cảm ơn./.



Huỳnh Trung Hiếu

TỔNG CÔNG TY
CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

Số: **529** /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 1 tháng 0 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính đã Kiểm toán 2018

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM
VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;

Căn cứ kết quả kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua nội dung Báo cáo tài chính 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt, Báo cáo tài chính 2018 đã được công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên Website của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng, bao gồm:

1. Báo cáo của Kiểm toán viên
2. Bảng cân đối Kế toán
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
5. Thuyết minh báo cáo tài chính

Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán được đính kèm tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:

- Như kính gửi,
- Lưu VT, KTTKTC, HĐQT.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT – GIÁM ĐỐC**



Huỳnh Trung Hiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Hà Nội, tháng 03 năm 2019

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--------------------------------------|--------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7 - 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 9 - 34 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|----------------------|---------------------------------------|
| Ông Cái Hồng Thu | Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 24/04/2018) |
| Ông Lê Xuân Khôi | Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 24/04/2018) |
| Ông Huỳnh Trung Hiếu | Ủy viên |
| Ông Trịnh Quang Hải | Ủy viên |
| Ông Phùng Thanh Hồng | Ủy viên |
| Ông Hoàng Vũ Thắng | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 24/04/2018) |
| Ông Lê Sỹ Thắng | Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 24/04/2018) |

Ban Giám đốc

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Huỳnh Trung Hiếu | Giám đốc |
| Ông Trịnh Công Giang | Phó Giám đốc |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

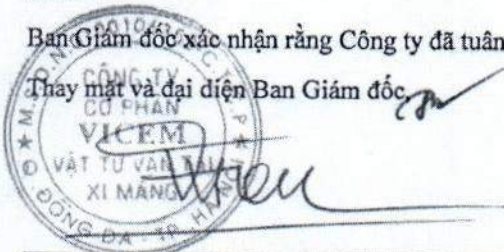
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Huỳnh Trung Hiếu
Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 03 năm 2019, từ trang 04 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán nhằm phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN kiểm toán 0308-2018-055-1

Tạ Thị Thắm
Kiểm toán viên
Số GCN ĐKHN kiểm toán 3676-2016-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃ SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.151.642.394.525 | 1.101.334.860.019 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 27.116.752.660 | 107.096.332.487 |
| 1. Tiền | 111 | 5 | 27.116.752.660 | 107.096.332.487 |
| II. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 662.385.396.805 | 624.416.785.378 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 6 | 623.227.979.710 | 579.175.216.083 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 38.069.138.311 | 43.726.802.934 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 7 | 1.088.278.784 | 1.514.766.361 |
| III. Hàng tồn kho | 140 | 8 | 415.826.510.547 | 319.678.600.891 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 415.826.510.547 | 319.678.600.891 |
| IV. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 46.313.734.513 | 50.143.141.263 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 9 | 839.013.622 | 1.074.020.672 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 45.474.720.891 | 49.019.745.876 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | 49.374.715 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 279.596.170.418 | 562.054.432.914 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 70.000.000 | - |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | 7 | 70.000.000 | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 28.727.482.873 | 28.405.437.416 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 25.729.640.526 | 27.338.548.527 |
| - Nguyên giá | 222 | | 48.733.464.653 | 48.071.110.837 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (23.003.824.127) | (20.732.562.310) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 10 | 2.012.286.794 | - |
| - Nguyên giá | 225 | | 2.375.158.182 | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (362.871.388) | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 985.555.553 | 1.066.888.889 |
| - Nguyên giá | 228 | | 1.239.593.360 | 1.239.593.360 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (254.037.807) | (172.704.471) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | 14 | 250.676.313.005 | - |
| - Nguyên giá | 231 | | 256.151.009.957 | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (5.474.696.952) | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | - | 528.880.410.344 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 11 | - | 528.880.410.344 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 122.374.540 | 4.768.585.154 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 9 | 110.121.137 | 3.437.294.699 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 12.253.403 | 1.331.290.455 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 1.431.238.564.943 | 1.663.389.292.933 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẠN TÀI XI MĂNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MÃ SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 992.224.652.088 | 1.180.408.767.565 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 946.939.949.145 | 1.126.327.358.811 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 15 | 111.245.441.811 | 121.889.639.393 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 1.236.801.826 | 133.412.762.096 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 16 | 6.110.690.549 | 3.424.999 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 8.143.556.361 | 7.709.837.128 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 17 | 16.961.943.585 | 4.468.523.479 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 18 | 2.083.242.790 | 87.272.727 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 19 | 5.921.351.984 | 3.316.055.251 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 20 | 787.125.000.000 | 852.280.000.000 |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 8.111.920.239 | 3.159.843.738 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 45.284.702.943 | 54.081.408.754 |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 18 | 43.054.362.961 | - |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | 19 | 1.136.589.982 | - |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 20 | 1.093.750.000 | 54.081.408.754 |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 439.013.912.855 | 482.980.525.368 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 21 | 439.013.912.855 | 482.980.525.368 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 311.998.250.000 | 311.998.250.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 311.998.250.000 | 311.998.250.000 |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 87.686.191.024 | 75.584.571.562 |
| 3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | 12.101.619.462 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 39.329.471.831 | 83.296.084.344 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 23.732.948.344 | 83.296.084.344 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 15.596.523.487 | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 1.431.238.564.943 | 1.663.389.292.933 |

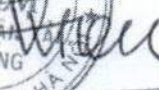
Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Thu Thủy

Phùng Thanh Hồng

Huỳnh Trung Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẠN TÀI XI MĂNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B02- DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2018 | Năm 2017 |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 23 | 3.444.077.235.545 | 3.893.362.485.729 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 3.444.077.235.545 | 3.893.362.485.729 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 24 | 3.087.176.435.265 | 3.566.654.200.611 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 356.900.800.280 | 326.708.285.118 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 25 | 26.224.340.008 | 26.751.984.158 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 26 | 51.803.098.932 | 43.578.964.884 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 51.794.044.855 | 55.032.837.062 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 27 | 196.009.454.640 | 218.050.750.803 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 27 | 41.824.194.099 | 51.425.711.473 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 93.488.392.617 | 40.404.842.116 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 28 | 6.067.543.225 | 112.186.202.813 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 29 | 48.454.708.622 | 9.447.718.869 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (42.387.165.397) | 102.738.483.944 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 51.101.227.220 | 143.143.326.060 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 31 | 18.585.754.181 | 29.100.189.520 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 32 | 1.319.037.052 | (452.772.804) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 31.196.435.987 | 114.495.909.344 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 33 | 1.000 | 3.261 |

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Người lập

Lê Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Phùng Thanh Hồng

Giám đốc



Huỳnh Trung Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MÃU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2018 | Năm 2017 |
|---|-------|------------------|-------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | 51.101.227.220 | 143.143.326.060 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 8.217.147.643 | 1.185.912.217 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | (7.439.720) | 32.667.204 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | (252.073.397) | (91.428.892.852) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 51.794.044.855 | 55.032.837.062 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | - | (11.595.700.075) |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 110.852.906.601 | 96.370.149.616 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | (34.444.211.727) | 31.541.522.711 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | 241.624.790.836 | 168.093.509.062 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải | 11 | (82.942.415.548) | (225.285.396.056) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 3.562.180.612 | 711.336.364 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | (53.680.489.816) | (57.013.216.294) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (12.425.688.917) | (29.450.846.069) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | - | 150.000.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | (7.811.321.999) | (6.062.684.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh | 20 | 164.735.750.042 | (20.945.624.666) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (61.145.407.936) | (121.202.852.717) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác | 22 | - | 91.113.203.454 |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 260.542.883 | 315.689.398 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (60.884.865.053) | (29.773.959.865) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẠN TÀI XI MĂNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

MẪU SỐ B03 - DN
 Đơn vị tính: VND

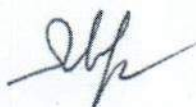
| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2018 | Năm 2017 |
|--|-------|---------------------|---------------------|
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | 2.975.700.000.000 | 3.826.893.754.708 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (3.095.461.408.754) | (3.636.743.542.606) |
| 3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | (756.408.182) | - |
| 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (63.320.087.600) | (54.728.299.800) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (183.837.904.536) | 135.421.912.302 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | (79.987.019.547) | 84.702.327.771 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 107.096.332.487 | 22.426.671.920 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi | 61 | 7.439.720 | (32.667.204) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 27.116.752.660 | 107.096.332.487 |

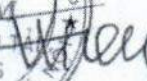
Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lê Thị Thu Thủy

Phùng Thanh Hồng

Huỳnh Trung Hiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 24 tháng 4 năm 2006; Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 14 số 0100106352 ngày 24/07/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 311.998.250.000 đồng, tương đương 31.199.825 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VTV.

Trụ sở chính của Công ty tại số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn nguyên liệu phi kim loại dùng cho sản xuất xi măng (đá bazan, thạch cao,...) và bán buôn tro bay; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Khai thác quặng sắt;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác các khoáng chất khác dùng làm phụ gia sản xuất xi măng (đá bazan, thạch cao,...);
- Chế biến than đá và các loại phụ gia dùng cho sản xuất xi măng và nhu cầu khác của xã hội;
- Kinh doanh khai thác, chế biến xỉ thải và phế liệu khác phục vụ cho sản xuất xi măng và các nhu cầu khác của xã hội;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (than đá và nhiên liệu rắn khác);
- Bán buôn kim loại dùng cho sản xuất xi măng (quặng sắt, bô xít, silic,...); Bán buôn sắt, thép;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ nhiên liệu cho ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán trực tiếp nhiên liệu, giao trực tiếp tới tận nhà người sử dụng, đấu giá ngoài cửa hàng (bán lẻ), bán lẻ của các đại lý hương hoa hồng (ngoài cửa hàng);
- Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tổ chức của Công ty bao gồm trụ sở chính tại số 21B phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và các chi nhánh hạch toán phụ thuộc, chi tiết như sau:

| STT | Tên | Địa chỉ |
|-----|-----------------------------------|---|
| 1 | Chi nhánh Công ty tại Hoàng Thạch | Xã Minh Tân, Huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương |
| 2 | Chi nhánh Công ty tại Quảng Ninh | Tổ 5 K12, phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| 3 | Chi nhánh Công ty tại Hải Phòng | Tổ dân phố Thắng Lợi, thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng |
| 4 | Văn phòng đại diện tại Phú Thọ | Thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ |
| 5 | Chi nhánh Công ty tại Bim Sơn | Số 61, đường Nguyễn Huệ, phường Ngọc Trạo, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa |
| 6 | Chi nhánh Công ty tại Hà Nam | La Mát, thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam |
| 7 | Chi nhánh Công ty tại Hoàng Mai | Khối 6 Tân Sơn, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An |
| 8 | Chi nhánh Công ty tại Ninh Bình | Đường Hoàng Diệu, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình |
| 9 | Đoàn vận tải | Số 24, phố Chợ Cũ, phường Hồng Gai, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
| 10 | Văn phòng đại diện phía Nam | Số 25/1 đường số 4BK, phường Bình Khánh, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh |

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết Doanh nghiệp hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt niên độ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được trích lập phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

| | Năm |
|---------------------------------|---------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 - 30 |
| Máy móc thiết bị | 05 - 06 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 15 |
| Thiết bị văn phòng | 03 |

Tài sản cố định thuê tài chính và khấu hao

Thuê tài sản được xác định là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Công ty ghi nhận nguyên giá tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (nếu giá trị này thấp hơn giá trị hợp lý) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Tài sản đi thuê tài chính của Công ty là phương tiện vận tải (ô tô) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 06 năm.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm máy tính, giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại chi nhánh Hải Phòng. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất lâu dài.

Bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư phản ánh giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng tương ứng với phần sở hữu riêng của Công ty bao gồm 06 sàn thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội do Công ty xây dựng, nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp bỏ ra để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm hoàn thành công việc xây dựng.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các nhóm bất động sản đầu tư như sau:

| | Năm |
|---------------------------------|---------|
| Quyền sử dụng đất (*) | - |
| Phần mềm máy tính | 03 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 42,5 |
| Cơ sở hạ tầng, máy móc thiết bị | 10 - 15 |

(*): Công ty không trích khấu hao đối với giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tương ứng với phần sở hữu riêng thuộc Dự án Comatce Tower của Công ty.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm;
- Chi phí sửa chữa được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 36 tháng;

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Chi phí liên quan đến hoạt động bán nhà qua sàn giao dịch bất động sản chờ phân bổ, được phân bổ vào kết quả kinh doanh phù hợp với doanh thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh bất động sản.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chỉ hộ; các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là phải trả dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay và nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, trích trước giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán...

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận trên cơ sở số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê bất động sản đầu tư; được phân bổ vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng dựa trên số tiền đã thu được và số kỳ thu tiền trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- (a) Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bán giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; chiết khấu thanh toán; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- (a) Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ theo thông báo của tổ chức tín dụng.
- (b) Chiết khấu thanh toán được ghi nhận theo thông báo của bên nhận thanh toán (nhà cung cấp).
- (c) Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì số chi phí đi vay được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính, khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TÀI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN

| | <u>31/12/2018</u> | <u>01/01/2018</u> |
|--------------------|------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 71.040.000 | 163.235.500 |
| Tiền gửi ngân hàng | 27.045.712.660 | 106.933.096.987 |
| Cộng | <u>27.116.752.660</u> | <u>107.096.332.487</u> |

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | <u>31/12/2018</u> | <u>01/01/2018</u> |
|--|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn | 178.738.406.322 | 201.613.754.378 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp | 54.570.710.346 | 100.370.884.505 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long | 111.979.471.410 | 67.461.496.092 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn | 122.186.905.406 | 52.397.910.394 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng | 54.515.384.101 | 48.879.951.926 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai | 49.781.544.003 | 39.887.929.664 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch | 26.156.995.413 | 38.087.878.702 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân | - | 30.455.634.029 |
| Các khoản phải thu khách hàng khác | 25.298.562.709 | 19.776.393 |
| Cộng | <u>623.227.979.710</u> | <u>579.175.216.083</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phải thu khách hàng là bên liên quan

| | <u>31/12/2018</u> | <u>01/01/2018</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn | 178.738.406.322 | 201.613.754.378 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp | 54.570.710.346 | 100.370.884.505 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long | 111.979.471.410 | 67.461.496.092 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn | 122.186.905.406 | 52.397.910.394 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng | 54.515.384.101 | 48.879.951.926 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai | 49.781.544.003 | 39.887.929.664 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch | 26.156.995.413 | 38.087.878.702 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân | - | 30.455.634.029 |

7. PHẢI THU KHÁC

| | <u>31/12/2018</u> | | <u>01/01/2018</u> | |
|-----------------------|----------------------|-----------------|----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Ngắn hạn | 1.088.278.784 | - | 1.514.766.361 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 246.288.952 | - | 625.317.881 | - |
| Bảo hiểm xã hội | 4.750.244 | - | 210.885.037 | - |
| Tạm ứng | 529.517.306 | - | 407.296.956 | - |
| Phạt hao hụt hàng hóa | 169.396.335 | - | 184.450.306 | - |
| Phải thu khác | 138.325.947 | - | 86.816.181 | - |
| Dài hạn | 70.000.000 | - | - | - |
| Ký cược, ký quỹ | 70.000.000 | - | - | - |
| Cộng | 1.158.278.784 | - | 1.514.766.361 | - |

8. HÀNG TỒN KHO

| | <u>31/12/2018</u> | | <u>01/01/2018</u> | |
|-----------------------------|------------------------|-----------------|------------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 316.592.168 | - | 266.287.689 | - |
| Thành phẩm bất động sản (*) | 142.820.987.571 | - | - | - |
| Hàng hoá | 272.688.930.808 | - | 319.412.313.202 | - |
| Cộng | 415.826.510.547 | - | 319.678.600.891 | - |

(*): Thành phẩm của Công ty bao gồm giá trị xây dựng và quyền sử dụng đất phân bổ cho hàng hóa bất động sản là các căn hộ thuộc Dự án Comatce Tower, địa chỉ tại số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội (Xem thêm Thuyết minh số 11).

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|---|--------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 839.013.622 | 1.074.020.672 |
| Chi phí mua bảo hiểm | 150.191.403 | 181.281.580 |
| Chi phí bán nhà dự án Dự án tòa nhà Comatce | 58.962.090 | 739.439.092 |
| Chi phí sửa chữa | 629.860.129 | - |
| Các khoản chi phí khác | - | 153.300.000 |
| Dài hạn | 110.121.137 | 3.437.294.699 |
| Chi phí bán nhà dự án Dự án tòa nhà Comatce | - | 3.437.294.699 |
| Các khoản chi phí khác | 110.121.137 | - |
| Cộng | 949.134.759 | 4.511.315.371 |

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

| | Phương tiện vận tải | Tổng |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | - | - |
| Thuê trong năm | 2.375.158.182 | 2.375.158.182 |
| Tại ngày 31/12/2018 | <u>2.375.158.182</u> | <u>2.375.158.182</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | - | - |
| Khấu hao trong năm | 362.871.388 | 362.871.388 |
| Tại ngày 31/12/2018 | <u>362.871.388</u> | <u>362.871.388</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | - | - |
| Tại ngày 31/12/2018 | <u>2.012.286.794</u> | <u>2.012.286.794</u> |

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|--------------------------------------|------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Công trình Dự án tòa nhà Comatce (*) | - | 528.528.730.198 |
| Dự án đóng mới sà lan | - | 351.680.146 |
| Cộng | <u>-</u> | <u>528.880.410.344</u> |

(*): Dự án “Đầu tư xây dựng Tòa nhà Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng, viết tắt là Comatce Tower” (Dự án) tại địa điểm số 61 phố Ngụy Như Kon Tum, khu dân cư số 17, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội được đầu tư theo Số 722/QĐ-VTVT ngày 03/9/2009 và Quyết định số 433/QĐ-VTVT ngày 25/04/2012 của Hội đồng quản trị Công ty. Trong năm 2018, Công ty tiến hành bàn giao các căn hộ thuộc Dự án cho khách hàng, đồng thời đưa vào khai thác 06 sản phẩm thương mại văn phòng và tầng hầm thuộc sở hữu riêng của Công ty (Bất động sản đầu tư cho thuê). Công ty đang tiến hành thủ tục quyết toán dự án đầu tư xây dựng hoàn thành theo quy định. Giá trị quyền sử dụng đất và chi phí đầu tư xây dựng Dự án phát sinh được Công ty phân bổ và ghi nhận vào thành phẩm (đối với hàng hóa bất động sản) và bất động sản đầu tư căn cứ vào mục đích sử dụng tương ứng với phần diện tích của các căn hộ để bán và diện tích phần sở hữu riêng để cho thuê của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà xưởng và vật kiến trúc VND | Máy móc thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị dụng cụ quản lý VND | Tổng VND |
|--|--------------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------------------|----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 6.671.167.988 | 2.060.540.293 | 39.019.587.102 | 319.815.454 | 48.071.110.837 |
| Mua trong năm | - | 214.000.000 | - | 39.081.818 | 253.081.818 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | - | - | 444.725.634 | - | 444.725.634 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | (35.453.636) | (35.453.636) |
| Tại ngày 31/12/2018 | 6.671.167.988 | 2.274.540.293 | 39.464.312.736 | 323.443.636 | 48.733.464.653 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 5.004.961.161 | 1.156.347.584 | 14.322.674.297 | 248.579.268 | 20.732.562.310 |
| Khấu hao trong năm | 215.035.340 | 258.599.025 | 1.786.393.497 | 38.218.105 | 2.298.245.967 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | - | (26.984.150) | (26.984.150) |
| Tại ngày 31/12/2018 | 5.219.996.501 | 1.414.946.609 | 16.109.067.794 | 259.813.223 | 23.003.824.127 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 1.666.206.827 | 904.192.709 | 24.696.912.805 | 71.236.186 | 27.338.548.527 |
| Tại ngày 31/12/2018 | 1.451.171.487 | 859.593.684 | 23.355.244.942 | 63.630.413 | 25.729.640.526 |
| Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao còn sử dụng | 2.653.549.430 | 921.045.112 | 13.735.481.092 | 204.625.454 | 17.514.701.088 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Phần mềm máy tính VND | Quyền sử dụng đất VND | Tổng VND |
|-------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 389.593.360 | 850.000.000 | 1.239.593.360 |
| Tại ngày 31/12/2018 | <u>389.593.360</u> | <u>850.000.000</u> | <u>1.239.593.360</u> |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | 172.704.471 | - | 172.704.471 |
| Khấu hao trong năm | 81.333.336 | - | 81.333.336 |
| Tại ngày 31/12/2018 | <u>254.037.807</u> | <u>-</u> | <u>254.037.807</u> |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 01/01/2018 | <u>216.888.889</u> | <u>850.000.000</u> | <u>1.066.888.889</u> |
| Tại ngày 31/12/2018 | <u>135.555.553</u> | <u>850.000.000</u> | <u>985.555.553</u> |

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| | 01/01/2018 VND | Tăng VND | Giảm VND | 31/12/2018 VND |
|-------------------------------|-------------------|-----------------|-------------|-------------------|
| NGUYÊN GIÁ | - | 256.151.009.957 | - | 256.151.009.957 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | - | 154.703.088.030 | - | 154.703.088.030 |
| Cơ sở hạ tầng | - | 50.501.928.553 | - | 50.501.928.553 |
| Quyền sử dụng đất | - | 50.945.993.374 | - | 50.945.993.374 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | - | 5.474.696.952 | - | 5.474.696.952 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | - | 2.567.761.491 | - | 2.567.761.491 |
| Cơ sở hạ tầng | - | 2.906.935.461 | - | 2.906.935.461 |
| Quyền sử dụng đất | - | - | - | - |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | - | 250.676.313.005 | - | 250.676.313.005 |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | - | 152.135.326.539 | - | 152.135.326.539 |
| Cơ sở hạ tầng | - | 47.594.993.092 | - | 47.594.993.092 |
| Quyền sử dụng đất | - | 50.945.993.374 | - | 50.945.993.374 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2018 | | 01/01/2018 | |
|--|------------------------|---------------------------------|------------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp | 29.914.699.896 | 29.914.699.896 | 27.402.766.439 | 27.402.766.439 |
| Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Khoáng sản - Than Đông Bắc - Xí nghiệp | 1.528.062.679 | 1.528.062.679 | 31.680.927.222 | 31.680.927.222 |
| Chế biến Kinh doanh than Hải Phòng | | | | |
| Công ty TNHH Long Sơn | 9.456.535.267 | 9.456.535.267 | 16.677.415.528 | 16.677.415.528 |
| Công ty Cổ phần Điện máy R.E.E | 5.270.184.731 | 5.270.184.731 | 10.082.849.152 | 10.082.849.152 |
| Xí nghiệp khai thác khoáng sản 16 - Chi nhánh Công ty TNHH MTV 16 | 20.994.743.530 | 20.994.743.530 | - | - |
| Phải trả cho các đối tượng khác | 44.081.215.708 | 44.081.215.708 | 36.045.681.052 | 36.045.681.052 |
| Cộng | 111.245.441.811 | 111.245.441.811 | 121.889.639.393 | 121.889.639.393 |
| Phải trả người bán là các bên liên quan | | | | |
| Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam | 1.486.123.938 | 1.486.123.938 | 3.166.919.132 | 3.166.919.132 |
| Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch | 144.641.816 | 144.641.816 | 172.299.665 | 172.299.665 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên | - | - | 680.257.167 | 680.257.167 |

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2018 | Số phải nộp trong năm | | Số đã nộp trong năm | 31/12/2018 |
|---------------------------------------|---------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|---------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | - | 21.661.596.227 | 21.661.596.227 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | (49.374.715) | 18.585.754.181 | 12.425.688.917 | 6.110.690.549 | |
| Thuế thu nhập cá nhân | 3.424.999 | 1.701.177.753 | 1.704.602.752 | - | |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | | 1.723.694.468 | 1.723.694.468 | - | |
| Các khoản khác | | 48.192.216.941 | 48.192.216.941 | - | |
| Cộng | (45.949.716) | 91.864.439.570 | 85.707.799.305 | 6.110.690.549 | |
| Trong đó: | | | | | |
| - Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 49.374.715 | | | | |
| - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 3.424.999 | | | | 6.110.690.549 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

| | <u>31/12/2018</u> | <u>01/01/2018</u> |
|-----------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 1.106.073.693 | 2.992.518.654 |
| Chi phí vận chuyển | 2.336.149.157 | 1.366.004.825 |
| Giá vốn bất động sản đã bán | 13.428.040.811 | - |
| Chi phí phải trả khác | 91.679.924 | 110.000.000 |
| Cộng | <u>16.961.943.585</u> | <u>4.468.523.479</u> |

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện của Công ty phản ánh tiền cho thuê văn phòng nhận trước của các khách hàng tại Dự án Comatce Tower. Số tiền cho thuê nhận trước từ 01 năm trở xuống được phân loại là doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn, tiền cho thuê nhận trước từ trên 01 năm được phân loại là doanh thu chưa thực hiện dài hạn.

19. PHẢI TRẢ KHÁC

| | <u>31/12/2018</u> | <u>01/01/2018</u> |
|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 5.921.351.984 | 3.316.055.251 |
| Kinh phí công đoàn | 189.176 | 21.990.882 |
| Bảo hiểm y tế | - | 105.038.351 |
| Bảo hiểm thất nghiệp | - | 5.063.829 |
| Phải trả về cổ tức | 1.653.881.397 | 2.574.318.997 |
| Kinh phí bảo trì của Tòa nhà Comatce | 4.003.502.816 | - |
| Nhận đặt cọc, ký quỹ | 20.000.000 | - |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 243.778.595 | 609.643.192 |
| Dài hạn | 1.136.589.982 | - |
| Nhận đặt cọc, ký quỹ | 1.136.589.982 | - |
| Cộng | <u>7.057.941.966</u> | <u>3.316.055.251</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẠN TÀI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | 01/01/2018 | | Trong năm | | 31/12/2018 | |
|---|------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Vay ngắn hạn | 852.280.000.000 | 852.280.000.000 | 2.981.197.500.000 | 3.046.352.500.000 | 787.125.000.000 | 787.125.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (1) | 410.000.000.000 | 410.000.000.000 | 933.200.000.000 | 1.137.000.000.000 | 206.200.000.000 | 206.200.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ (2) | 198.000.000.000 | 198.000.000.000 | 351.600.000.000 | 376.600.000.000 | 173.000.000.000 | 173.000.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung (3) | 60.000.000.000 | 60.000.000.000 | 643.400.000.000 | 505.000.000.000 | 198.400.000.000 | 198.400.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (4) | 95.000.000.000 | 95.000.000.000 | 386.500.000.000 | 404.500.000.000 | 77.000.000.000 | 77.000.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (5) | 63.000.000.000 | 63.000.000.000 | 581.000.000.000 | 512.000.000.000 | 132.000.000.000 | 132.000.000.000 |
| - Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 | 80.000.000.000 | 100.000.000.000 | - | - |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | | | | | | |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương | 6.280.000.000 | 6.280.000.000 | 4.710.000.000 | 10.990.000.000 | - | - |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (6) | - | - | 787.500.000 | 262.500.000 | 525.000.000 | 525.000.000 |
| Vay dài hạn | 54.081.408.754 | 54.081.408.754 | 2.581.180.000 | 55.568.838.754 | 1.093.750.000 | 1.093.750.000 |
| - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương | 54.081.408.754 | 54.081.408.754 | - | 54.081.408.754 | - | - |
| - Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (6) | - | - | 2.581.180.000 | 1.487.430.000 | 1.093.750.000 | 1.093.750.000 |
| Cộng | 906.361.408.754 | 906.361.408.754 | 2.983.778.680.000 | 3.101.921.338.754 | 788.218.750.000 | 788.218.750.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẠN TÀI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo hợp đồng số 01/2018-HĐCVHM/NHCT128-VICEM ngày 29/10/2018 với hạn mức cho vay là 450 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Các khoản vay theo từng giấy nhận nợ có thời hạn không quá 05 tháng. Lãi suất áp dụng theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Tài sản đảm bảo khoản vay là các tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính của Công ty, số 21B Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Hà Nội.
- (2) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 17032.18.051.441555.TD ngày 30/05/2018 với hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn cấp tín dụng đến ngày 15/05/2019. Các khoản vay theo từng khế ước nhận nợ có thời hạn không quá 06 tháng. Lãi suất cho vay theo từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/1373916/HĐTD ngày 21/11/2018 với hạn mức cho vay là 400 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/09/2019. Lãi suất và lịch trả nợ được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (4) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng hạn mức tín dụng số HK1-HĐCTD/18087 ngày 22/11/2018 với hạn mức tín dụng là 250 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các khoản vay theo từng khế ước nhận nợ có thời hạn không quá 05 tháng. Lãi suất cho vay theo từng Giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (5) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1906/2018/HĐTD ngày 19/06/2018 với hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng. Khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay theo mức lãi suất thỏa thuận cụ thể tại từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (6) Khoản nợ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê tài chính số 01007/2018/TSC-CTTC ngày 26/01/2018. Giá trị tài sản cho thuê là ô tô Toyota Landcruiser Prado 30F-053.85 trị giá 2.581.180.000 đồng. Lãi suất cho thuê áp dụng trong thời gian 3 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Kể từ ngày lãi suất hết hiệu lực, lãi suất cho thuê bằng chi phí huy động vốn thực tế của Bên cho thuê tài chính cộng 2,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất sàn cho vay trung hạn của Ngân hàng quy định trong từng thời kỳ và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời hạn cho thuê là 48 tháng kể từ ngày tài sản được bàn giao. Biện pháp đảm bảo thực hiện hợp đồng là việc Bên thuê chuyển cho Bên cho thuê tài chính số tiền đặt cọc là 70.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

Kế hoạch trả các khoản nợ dài hạn chi tiết:

| | <u>31/12/2018</u> | <u>01/01/2018</u> |
|--------------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 525.000.000 | 6.280.000.000 |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 1.093.750.000 | 30.681.408.754 |
| Sau năm năm | - | 23.400.000.000 |
| Cộng | <u>1.618.750.000</u> | <u>60.361.408.754</u> |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 525.000.000 | 6.280.000.000 |
| Vay và nợ dài hạn | <u>1.093.750.000</u> | <u>54.081.408.754</u> |

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | <u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> | <u>Quỹ đầu tư phát triển</u> | <u>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|--|-----------------------------------|----------------------------------|--|--|-------------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2017 | 311.998.250.000 | 70.437.746.061 | 12.101.619.462 | 36.977.310.501 | 431.514.926.024 |
| Lãi trong năm | - | - | - | 114.495.909.344 | 114.495.909.344 |
| Trích các quỹ | - | 3.971.182.958 | - | (10.841.807.958) | (6.870.625.000) |
| Trích lập quỹ theo kết luận kiểm toán nhà nước | - | 1.175.642.543 | - | (1.175.642.543) | - |
| Chia cổ tức năm 2016 | - | - | - | (24.959.860.000) | (24.959.860.000) |
| Tạm chia cổ tức năm 2017 | - | - | - | (31.199.825.000) | (31.199.825.000) |
| Tại ngày 01/01/2018 | <u>311.998.250.000</u> | <u>75.584.571.562</u> | <u>12.101.619.462</u> | <u>83.296.084.344</u> | <u>482.980.525.368</u> |
| Lãi trong năm | - | - | - | 31.196.435.987 | 31.196.435.987 |
| Trích lập các quỹ | - | - | - | (12.763.398.500) | (12.763.398.500) |
| Chia cổ tức năm 2017 | - | - | - | (46.799.737.500) | (46.799.737.500) |
| Tăng quỹ Đầu tư phát triển từ Quỹ khác | - | 12.101.619.462 | (12.101.619.462) | - | - |
| Tạm chia cổ tức năm 2018 | - | - | - | (15.599.912.500) | (15.599.912.500) |
| Tại ngày 31/12/2018 | <u>311.998.250.000</u> | <u>87.686.191.024</u> | <u>-</u> | <u>39.329.471.831</u> | <u>439.013.912.855</u> |



CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên số 694/2018/NQ - ĐHĐCĐ ngày 24/04/2018 của Công ty, lợi nhuận sau thuế năm 2017 được phân phối như sau:

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 12.763.398.500 đồng, trong đó thưởng Ban điều hành 256.500.000 đồng và thưởng người lao động 12.506.898.500 đồng.
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển từ Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu: 12.101.619.462 đồng.
- Chia cổ tức: 77.999.562.500 đồng, trong đó đã tạm phân phối trong năm 2017 là 31.199.825.000 đồng và phân phối trong năm 2018 là 46.799.737.500 đồng (tương ứng 25% vốn điều lệ).

Theo Nghị quyết HĐQT số 1007/2018/NQ – HĐQT ngày 13/06/2018, Công ty đã thống nhất tạm ứng cổ tức của năm 2018 với số tiền 15.599.912.500 đồng (tương ứng 5% vốn điều lệ).

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Tỷ lệ | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|---|------------|------------------------|------------------------|
| | góp vốn | | |
| | % | VND | VND |
| Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam | 62,95 | 196.417.210.000 | 196.417.210.000 |
| Các cổ đông khác | 37,05 | 115.581.040.000 | 115.581.040.000 |
| Cộng | 100 | 311.998.250.000 | 311.998.250.000 |

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2018 | Năm 2017 |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | |
| - Vốn góp đầu năm | 311.998.250.000 | 311.998.250.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm | - | - |
| - Vốn góp giảm trong năm | - | - |
| - Vốn góp cuối năm | 311.998.250.000 | 311.998.250.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận đã chia | 62.399.650.000 | 56.159.685.000 |

Cổ phiếu

| | 31/12/2018 | 01/01/2018 |
|---|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 31.199.825 | 31.199.825 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 31.199.825 | 31.199.825 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 31.199.825 | 31.199.825 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 31.199.825 | 31.199.825 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 31.199.825 | 31.199.825 |
| * <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)</i> | 10.000 | 10.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | <u>31/12/2018</u> | <u>01/01/2018</u> |
|---------------------------|-------------------|-------------------|
| Nợ khó đòi đã xử lý (VND) | 931.164.865 | 931.164.865 |
| Ngoại tệ các loại | | |
| - USD | 19.372,14 | 1.124.133,70 |

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | <u>Năm 2018</u> | <u>Năm 2017</u> |
|----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Doanh thu bán hàng | 3.186.811.355.725 | 3.875.971.650.431 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 11.302.680.995 | 17.390.835.298 |
| Doanh thu bất động sản | 245.963.198.825 | - |
| Cộng | <u>3.444.077.235.545</u> | <u>3.893.362.485.729</u> |

Doanh thu với các bên liên quan

| | <u>Năm 2018</u> | <u>Năm 2017</u> |
|--|-----------------|-----------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn | 787.362.967.493 | 689.093.312.990 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch | 680.296.601.476 | 640.870.564.631 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn | 598.558.869.251 | 472.394.844.423 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp | 264.386.884.154 | 314.146.007.873 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long | 410.358.201.222 | 458.737.367.588 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng | 250.490.000.912 | 311.032.981.528 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai | 195.357.831.217 | 320.807.208.768 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hải Vân | - | 124.703.555.485 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | - | 543.271.894.781 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên | 538.350.540 | 656.695.040 |

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | <u>Năm 2018</u> | <u>Năm 2017</u> |
|-----------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Giá vốn của hàng hoá đã bán | 2.872.357.557.364 | 3.554.688.096.655 |
| Giá vốn dịch vụ cung cấp | 10.362.801.207 | 11.966.103.956 |
| Giá vốn bất động sản | 204.456.076.694 | - |
| Cộng | <u>3.087.176.435.265</u> | <u>3.566.654.200.611</u> |

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | <u>Năm 2018</u> | <u>Năm 2017</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 260.542.883 | 315.689.398 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 194.764.578 | 28.094.933 |
| Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán | 25.769.032.547 | 26.363.840.400 |
| Doanh thu hoạt động tài chính khác | - | 44.359.427 |
| Cộng | <u>26.224.340.008</u> | <u>26.751.984.158</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

| | Năm 2018 | Năm 2017 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 51.794.044.855 | 55.032.837.062 |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá | 9.054.077 | 141.827.897 |
| Hoàn nhập lãi chậm trả Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam | - | (11.595.700.075) |
| Cộng | 51.803.098.932 | 43.578.964.884 |

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2018 | Năm 2017 |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí bán hàng | 196.009.454.640 | 218.050.750.803 |
| Chi phí nhân công | 21.802.020.119 | 22.255.371.621 |
| Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ | 3.053.005.795 | 1.913.915.927 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.166.686.726 | 945.102.771 |
| Chi phí vận chuyển | 135.519.263.590 | 165.200.341.184 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 8.822.206.461 | 9.555.856.652 |
| Chi phí khác bằng tiền | 24.646.271.949 | 18.180.162.648 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 41.824.194.099 | 51.425.711.473 |
| Chi phí nhân công | 20.946.165.162 | 21.696.846.178 |
| Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ | 401.613.045 | 2.122.774.959 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 575.763.965 | 240.809.446 |
| Thuế, phí và lệ phí | 1.735.694.468 | 1.918.499.939 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.114.174.206 | 1.835.507.762 |
| Chi phí khác bằng tiền | 16.050.783.253 | 23.611.273.189 |
| Cộng | 237.833.648.739 | 269.476.462.276 |

28. THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2018 | Năm 2017 |
|---------------------------|----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Thanh lý, nhượng bán TSCĐ | - | 95.825.454.545 |
| Tiền phạt thu được | 5.415.804.032 | 11.373.320.718 |
| Các khoản khác | 651.739.193 | 4.987.427.550 |
| Cộng | 6.067.543.225 | 112.186.202.813 |

29. CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2018 | Năm 2017 |
|--|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Giá trị còn lại TSCĐ | 8.469.486 | - |
| Tiền chậm nộp tiền sử dụng đất tại dự án Comatce (*) | 48.173.598.101 | - |
| Các khoản bị phạt | 6.600.000 | 2.422.726.253 |
| Các khoản khác | 266.041.035 | 7.024.992.616 |
| Cộng | 48.454.708.622 | 9.447.718.869 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

(*) Theo Thông báo số 16764/TB07-CCT ngày 06/10/2015 của Chi cục thuế quận Thanh Xuân, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền chậm nộp tiền sử dụng đất tại Dự án Comatce - Phố Ngụy Như Kon Tum, thành phố Hà Nội với số tiền khoảng 48 tỷ đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã gửi công văn tới Cục thuế Thành phố Hà Nội và Bộ Tài chính xem xét và hướng dẫn về việc đề nghị gia hạn nộp tiền sử dụng đất của Dự án và không tính tiền chậm nộp tiền sử dụng đất theo như văn bản của Chi cục thuế quận Thanh Xuân nêu trên. Trong khi chờ văn bản chính thức từ Tổng cục Thuế và Bộ Tài chính về việc gia hạn nộp khoản tiền nói trên Công ty đã nộp đủ số tiền chậm nộp 48 tỷ đồng và ghi nhận vào chi phí trong năm.

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2018 | Năm 2017 |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 3.454.618.840 | 11.966.103.956 |
| Chi phí nhân công | 42.748.185.281 | 43.952.217.799 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.217.147.643 | 1.185.912.217 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 149.775.126.421 | 176.591.705.598 |
| Chi phí khác bằng tiền | 44.001.371.761 | 47.746.626.662 |
| Cộng | 248.196.449.946 | 281.442.566.232 |

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2018 | Năm 2017 |
|---|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 51.101.227.220 | 143.143.326.060 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | 48.422.728.941 | 93.757.519 |
| - Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế | - | - |
| - Cộng: Các khoản chi phí không được trừ | 48.422.728.941 | 93.757.519 |
| Tổng Thu nhập chịu thuế | 99.523.956.161 | 143.237.083.579 |
| <i>Trong đó chi tiết theo hoạt động :</i> | | |
| Hoạt động chuyển nhượng Bất động sản (BDS) | | |
| - Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng BDS | 35.161.886.612 | - |
| - Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| - Thuế TNDN phải nộp (a) | 7.032.377.323 | - |
| Hoạt động kinh doanh thông thường | | |
| - Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh | 64.362.069.549 | 143.237.083.579 |
| - Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| - Thuế TNDN phải nộp (b) | 12.872.413.910 | 28.647.416.716 |
| Thuế TNDN tạm nộp theo tiến độ thu tiền các hợp đồng mua bán căn hộ (c) | 704.535.402 | 452.772.804 |
| Thuế TNDN 1% đã nộp được hoàn trong năm (d) | (2.023.572.454) | - |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành (a+b+c+d) | 18.585.754.181 | 29.100.189.520 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

| | Năm 2018 | Năm 2017 |
|---|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ | (704.535.402) | (452.772.804) |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 2.023.572.454 | - |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 1.319.037.052 | (452.772.804) |

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm 2018 | Năm 2017 |
|---|----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 31.196.435.987 | 114.495.909.344 |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | - | 12.763.398.500 |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 31.196.435.987 | 101.732.510.844 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 31.199.825 | 31.199.825 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 1.000 | 3.261 |

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 đã được trình bày lại sau khi loại trừ đi khoản lợi nhuận đã được dùng để trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.

34. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|-----------------------|
| Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem) | Công ty mẹ |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng | Công ty con của Vicem |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch | Công ty con của Vicem |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn | Công ty con của Vicem |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn | Công ty con của Vicem |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp | Công ty con của Vicem |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai | Công ty con của Vicem |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên | Công ty con của Vicem |
| Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch | Công ty con của Vicem |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 | Công ty con của Vicem |
| Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long | Công ty con của Vicem |

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

| | Năm 2018 VND | Năm 2017 VND |
|--|----------------------|----------------------|
| Mua hàng | | |
| Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch | 1.657.014.845 | 963.206.302 |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên | - | 21.817.654.268 |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch (Phí gom vét than) | 141.936.777 | 114.157.059 |
| Thu phạt | | |
| Công ty Cổ phần Vicem Vận tải Hoàng Thạch | 120.374.178 | 46.831.773 |
| Phí dôi nhật lưu bến sà lan | | |
| Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên | - | 1.490.685.520 |
| Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam | | |
| Phí tư vấn chuyên giao công nghệ | 5.166.115.853 | 5.840.043.729 |
| Chi phí lãi vay | - | 908.383.561 |
| Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban giám đốc | 2.437.693.983 | 2.565.719.756 |

35. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.

| | 31/12/2018 VND | 01/01/2018 VND |
|--|------------------------|--------------------------|
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 27.116.752.660 | 107.096.332.487 |
| Phải thu của khách hàng và phải thu khác | 623.781.990.944 | 580.071.800.451 |
| Cộng | 650.898.743.604 | 687.168.132.938 |
| Công nợ tài chính | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 117.166.793.795 | 125.095.592.464 |
| Chi phí phải trả | 16.961.943.585 | 4.468.523.479 |
| Vay và nợ thuê tài chính | 788.218.750.000 | 906.361.408.754 |
| Cộng | 922.347.487.380 | 1.035.925.524.697 |

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẠN TÀI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro thị trường

Rủi ro tiền tệ

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ đồng Đô la Mỹ (USD) vì một số các giao dịch mua hàng, bán hàng bằng USD. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách cân đối các hợp đồng giữa số phải thu bằng ngoại tệ và phải trả bằng ngoại tệ.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD như sau:

| | <u>31/12/2017</u> | <u>01/01/2017</u> |
|------------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tài sản tài chính | 449.469.259 | 25.483.610.924 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 449.469.259 | 25.483.610.924 |
| Cộng | <u>449.469.259</u> | <u>25.483.610.924</u> |
| Công nợ tài chính | - | - |
| Mức độ rủi ro tiền tệ | <u>449.469.259</u> | <u>25.483.610.924</u> |

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất cố định (có điều chỉnh). Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá cả

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

| | <u>Dưới 1 năm</u> | <u>Từ 1 - 5 năm</u> | <u>Trên 5 năm</u> |
|-------------------------------------|------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Tại ngày 31/12/2018 | | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 117.166.793.795 | - | - |
| Chi phí phải trả | 16.961.943.585 | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính | 787.125.000.000 | 1.093.750.000 | - |
| Cộng | 921.253.737.380 | 1.093.750.000 | - |
| Tại ngày 01/01/2018 | | | |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 125.095.592.464 | - | - |
| Chi phí phải trả | 4.468.523.479 | - | - |
| Vay và nợ thuê tài chính | 852.280.000.000 | 30.681.408.754 | 23.400.000.000 |
| Cộng | 981.844.115.943 | 30.681.408.754 | 23.400.000.000 |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với chứng khoán kinh doanh, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

Người lập

Lê Thị Thu Thủy

Kế toán trưởng

Phùng Thanh Hồng

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Giám đốc



Huỳnh Trung Hiếu

Số: **530** /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

(V/v: thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM
VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH2013 đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2015,

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng,

Căn cứ Báo cáo tài chính 2018 của Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 như sau:

| STT | NỘI DUNG | SỐ TIỀN |
|-----|---|------------------------|
| I | Vốn điều lệ | 311.998.250.000 |
| II | Phân phối lợi nhuận | |
| 1 | Lợi nhuận thực hiện 2018 | 51.101.227.220 |
| 2 | Thuế TNDN phải nộp | 19.904.791.233 |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 54.929.384.331 |
| | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 | 23.732.948.344 |
| | Lợi nhuận sau thuế năm 2018 | 31.196.435.987 |
| 4 | Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 | |
| | Tổng lợi nhuận phân phối | 54.929.384.331 |
| | - Trả cổ tức năm 2018 (tỷ lệ 15% bằng tiền) | 46.799.737.500 |
| | - Trích lập quỹ Khen thưởng, phúc lợi | 7.854.646.831 |
| | - Trích quỹ thưởng Người quản lý Công ty | 275.000.000 |
| | - Trích quỹ Đầu tư phát triển | 0 |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VT, HĐQT

T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT- GIÁM ĐỐC



Huỳnh Trung Hiếu

Số: **531** /TTr-HĐQT

Hà Nội, ngày **11** tháng **04** năm **2019**

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Thông qua mức thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và Kế hoạch thù lao 2019

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VẬT TƯ VẬN TẢI XI MĂNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;

- Căn cứ Kết quả HĐKD năm 2018 và Kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao năm 2018 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Kế hoạch thù lao năm 2019 như sau:

1. Mức thù lao năm 2018:

Tổng chi phí cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 là: 348.000.000 đồng.

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng quản trị phân bổ mức thù lao năm 2018 cho từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

2. Kế hoạch thù lao, tiền lương năm 2019:

Để tăng cường hơn nữa công tác quản trị của HĐQT và công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát, HĐQT Công ty kính trình ĐHCĐ phê duyệt kế hoạch năm 2019 để chi trả thù lao cho HĐQT và BKS như sau:

a. Thù lao của thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách:

| STT | Chức danh | Số lượng | Mức thù lao tối đa (đồng/người/tháng) | Số tháng/năm | Thành tiền (đồng) |
|-----------|--------------------------|----------|---------------------------------------|--------------|--------------------|
| I | Hội đồng quản trị | 5 | | | 264.000.000 |
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 6.000.000 | 12 | 72.000.000 |
| 2 | Ủy viên HĐQT | 4 | 4.000.000 | 12 | 192.000.000 |
| II | Ban kiểm soát | 3 | | | 72.000.000 |
| | Ủy viên ban kiểm soát | 2 | 3.000.000 | 12 | 72.000.000 |
| | Tổng cộng | | | | 336.000.000 |



b. Lương và các chế độ khác của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách làm việc toàn thời gian tại Công ty hưởng lương tương đương chức danh Trưởng phòng theo quy chế trả lương của Công ty và các quy định hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, TCLĐ, HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN HĐQT- GIÁM ĐỐC



Huỳnh Trung Hiếu



Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;

Căn cứ yêu cầu công tác tổ chức hoạt động và quản lý của Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng;

Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng kính trình Đại hội việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty như sau:

1. Tiêu thức lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

- Là đơn vị kiểm toán độc lập có uy tín và được chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết theo quy định của pháp luật về chứng khoán;

- Là đơn vị kiểm toán có đội ngũ kiểm toán viên trung thực, đề cao đạo đức nghề nghiệp, có trình độ cao, nhiều kinh nghiệm nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính;

- Chi phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Đề xuất

Để chuẩn bị cho việc kiểm toán tài chính năm 2019, Ban Kiểm soát Công ty kính trình Đại hội phê duyệt danh sách các Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty như sau:

1. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

2. Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

3. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty kiểm toán trên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính 2019 của Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, BKS, HDQT.

T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Thu Hà

Phụ lục

(kèm theo tờ trình số 532 /VTVT-HĐQT ngày 1/4/2019)

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

| STT | Danh mục điều khoản | Điều lệ hiện hành | Đề nghị sửa đổi | Lý do |
|-----|------------------------------|---|---|--|
| 1 | | Chưa có | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc <hr/> -- ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN | Bổ sung Quốc hiệu |
| 2 | Điểm j, K1 Điều 1 | j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 6 Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết; | j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết; | Không còn khoản 6 sau khi điều chỉnh bố cục Điều 2 |
| 3 | K3 Điều 2 | 3. Trụ sở đăng ký của Công ty: ... - E-mail : vtvvicem@gmail.com - Website : vtvxm.vn | 3. Trụ sở đăng ký của Công ty: ... - Website : vtvxm.vn - E-mail : vtvvicem@gmail.com | Sửa lại trật tự Website, Email |
| 4 | K4 Điều 2 | 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. 5. Trụ sở các chi nhánh trực thuộc Công ty: a. Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Quảng Ninh: Tại Tổ 5, khu 12, phố Hải Phúc, | 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Hiện tại, Công ty có các chi nhánh và văn phòng đại diện như sau: a. Chi nhánh Công ty Cổ phần VICEM Vật tư Vận tải Xi măng tại Quảng Ninh | Bỏ "5. Trụ sở các chi nhánh trực thuộc Công ty" , phù hợp Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC |

| | | | | |
|---|--------------------|---|--|---|
| | | phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. b. Chi nhánh Công | - Địa chỉ trụ sở chính: Tổ 5, khu 12, phố Hải Phúc, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Điện thoại: ... - Fax: ... b. Chi nhánh Công | |
| 5 | K5 Điều 2 | 6. Thời hạn hoạt động của Công ty: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc | 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 | Sửa đổi cho phù hợp Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC |
| 6 | K2 Điều 4 | 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Đổi mới phương thức quản lý, kinh doanh dịch vụ cho ngành xi măng và các lĩnh vực khác mà pháp luật không cấm, đa dạng hóa ngành nghề, mở rộng quy mô kinh doanh theo nhu cầu thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, nhằm thu lợi nhuận tối đa, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước để Công ty luôn ổn định và phát triển. | 2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là kinh doanh có lãi; đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, người lao động; hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh. | Điều chỉnh cho gọn, cô đọng |
| 7 | Điểm a, K4 Điều 14 | a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này; | a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này; | Sửa lại thành 30 ngày cho phù hợp Điều lệ mẫu dẫn của Thông tư 95/2017/TT-BTC đồng thời đảm bảo tốt hơn quyền lợi của cổ đông |

| | | | | |
|----|---|---|--|---|
| 8 | Điểm 1 khoản 2 Điều 15 – Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông | l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán <i>(trừ hợp đồng mua, bán, vận chuyển nguyên nhiên liệu cho sản xuất xi măng như than cám, phụ gia xi măng các loại);</i> | l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán. | <i>Bỏ “(trừ hợp đồng mua, bán, vận chuyển nguyên nhiên liệu cho sản xuất xi măng như than cám, phụ gia xi măng các loại)”</i> do các hợp đồng này không phải là giao dịch đầu tư/bán tài sản. - Điểm d, khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014; - Điều lệ mẫu Thông tư Thông tư 95/2017/TT-BTC |
| 9 | Điểm a, K2 Điều 18 | a. Chuẩn bị danh sách cổ đôngkhông sớm hơn <i>mười lăm (15) ngày</i> | a. Chuẩn bị danh sách cổ đôngkhông sớm hơn <i>mười (10) ngày trước ngày</i> | Điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế |
| 10 | K3 Điều 18 | Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. <i>Thông báo mời họp phải được gửi đến tất cả các cổ đông ...</i> | Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. <i>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông ...</i> | Điều chỉnh cho phù hợp, thống nhất với Khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC |
| 11 | K3 Điều 21 | 3. Nghị quyết về các vấn đề sau đây được thông qua nếu có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; b) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; c) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; | 3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; <i>dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản của Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản</i> của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng | - Để phù hợp với Điểm 1 khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty - ĐHCĐ quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản. - Điều chỉnh phù hợp ngôn ngữ K3 Điều 21 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC. |

| | | | | |
|----|--|--|--|--|
| | | d) Dự án đầu tư hoặc giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán; e) Tổ chức lại, giải thể Công ty. | số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. | |
| 12 | K2 Điều 22 | 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến | 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến | Điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế |
| 13 | K1 Điều 24 | 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ... và Điều lệ Công ty , trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này. | 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bảnvà Điều lệ này , trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này. | Điều chỉnh “Điều lệ Công ty” thành “Điều lệ này” cho phù hợp K1 Điều 24 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC |
| 14 | K2 Điều 24 | 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty . | 2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này . | Điều chỉnh “Điều lệ Công ty” thành “Điều lệ này” cho phù hợp K2 Điều 24 Điều lệ mẫu Thông tư 95/2017/TT-BTC |
| 15 | Điểm 1, Khoản 2 Điều 27 – Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT | 1. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán; | 1. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản có giá trị từ 10% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán. | - Điểm h, Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp Nếu hạn chế thẩm quyền của HĐQT đến dưới 35% sẽ gây khó khăn cho Công ty khi thực hiện kế hoạch SXKD |
| 16 | Điểm n, K2 Điều 27 | n. Thông qua danh mục các Quy chế nội bộ của Công ty, đồng thời ban hành các Quy chế này; | n. Công bố danh mục các Quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành; | Chuẩn hóa câu chữ |

| | | | | |
|----|--|--|--|--|
| 17 | Điểm f, Khoản 3 Điều 27 – Các vấn đề phải được HĐQT phê chuẩn | f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và <i>ngân sách kinh doanh hàng năm.</i> | f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch | Bỏ “và ngân sách kinh doanh hàng năm” vì hiện tại không sử dụng theo ngân sách |
| 18 | K1 Điều 30 | 1. <i>Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc...</i> | 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc..... | Điều chỉnh gọn câu |
| 19 | Khoản 1 Điều 32 | 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. | 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. <i>Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty.</i> | K1 Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP |
| 20 | Điểm i, Khoản 3 Điều 35 – Quyền hạn của Giám đốc | i. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <i>từ 10% trở xuống tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính</i> | i. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị <i>dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính</i> | Hiện trùng nhau ngưỡng “từ 10%” quy định tại điểm 1, khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty |

C.P. ION